



NGUYỄN THỊ HỒNG NAM – NGUYỄN THÀNH THỊ (đồng Chủ biên)
NGUYỄN THÀNH NGỌC BẢO – DƯƠNG THỊ HỒNG HIẾU
TĂNG THỊ TUYẾT MAI – NGUYỄN THỊ MINH NGỌC
NGUYỄN THỊ NGỌC THUY – PHAN THU VÂN

Bài tập NGŨ VẦN

8

TẬP HAI



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ HỒNG NAM – NGUYỄN THÀNH THỊ (đồng Chủ biên)
NGUYỄN THÀNH NGỌC BẢO – DƯƠNG THỊ HỒNG HIẾU
TĂNG THỊ TUYẾT MAI – NGUYỄN THỊ MINH NGỌC
NGUYỄN THỊ NGỌC THUY – PHAN THU VÂN

Bài tập

NGỮ VĂN

8

Chân trời sáng tạo

TẬP HAI

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn
trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: PHAN THỊ BÍCH VÂN – LÊ THỊ THUỶ TRANG

Thiết kế sách: TRẦN NGUYỄN ANH TÚ

Trình bày bìa: TÓNG THANH THẢO

Sửa bản in: PHAN THỊ BÍCH VÂN – LÊ THỊ THUỶ TRANG

Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

BÀI TẬP NGỮ VĂN 8 - TẬP HAI (CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)

Mã số: G2BH8V002M23

In bản, (QĐ) khổ 17 x 24 cm.

Đơn vị in: địa chỉ

Cơ sở in: địa chỉ

Số ĐKXB: 10-2023/CXBIPH/27-2157/GD

Số QĐXB: .../QĐ - GD - HN ngày ... tháng ... năm 20...

In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm 20...

Mã số ISBN: Tập một: 978-604-0-35228-6

Tập hai: 978-604-0-35229-3

LỜI NÓI ĐẦU

Các em thân mến!

Nếu học mà không thực hành thì sẽ không hiểu sâu, nhớ lâu những lí thuyết được học và hình thành, phát triển các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe đã được xác định trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Đó là lí do phương châm “Học đi đôi với hành” luôn được đề cao trong giáo dục.

Cuốn **Bài tập Ngữ văn 8**, bộ sách **Chân trời sáng tạo** được tác giả biên soạn nhằm giúp em vận dụng những tri thức đã học trong sách giáo khoa *Ngữ văn 8* (NXB Giáo dục Việt Nam, 2023) vào đọc hiểu các văn bản, làm bài tập tiếng Việt cũng như thực hành viết, nói và nghe các kiểu bài để từ đó củng cố, nâng cao các kĩ năng đọc, viết, nói – nghe.

Cuốn sách gồm 2 tập, mỗi tập có 5 bài tương ứng với các chủ điểm trong sách giáo khoa *Ngữ văn 8*. Mỗi bài gồm có hai phần: phần thứ nhất trình bày hệ thống các bài tập đọc, tiếng Việt, viết, nói và nghe; phần thứ hai hướng dẫn các em cách làm bài tập và gợi ý câu trả lời.

Chúc các em có nhiều niềm vui trong học tập!

NHÓM TÁC GIẢ

MỤC LỤC

	Trang
Bài 6. Tình yêu Tổ quốc.....	5
Bài 7. Yêu thương và hi vọng	17
Bài 8. Cánh cửa mở ra thế giới	32
Bài 9. Âm vang của lịch sử.....	48
Bài 10. Cười mình, cười người	70

Chân trời sáng tạo

Bài 6

TÌNH YÊU TỔ QUỐC

(Thơ thất ngôn bát cú và tứ tuyệt luật Đường)

BÀI TẬP

I. ĐỌC

- Vẽ sơ đồ tóm tắt luật, niêm, vần, nhịp, đối của thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt luật Đường.
- Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

MỜI TRẦU

Hồ Xuân Hương

Quả cau nho nhỏ miếng trầu hôi,
Này của Xuân Hương mới quệt rồi.
Có phải duyên nhau thì thăm lại,
Đừng xanh như lá, bạc như vôi.

(In trong *Tổng tập Văn học Việt Nam*, tập 14, NXB Khoa học xã hội, 2000)

- Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào?
- Bài thơ được làm theo luật bằng hay luật trắc?
- Chỉ ra bài thơ đã tuân thủ luật, niêm, vần, đối của thể thơ như thế nào (kể và hoàn thành bảng sau vào vở):

Luật	
Niêm	
Vần	
Đối	

- Nhận xét về cách ngắt nhịp của bài thơ.
- Xác định bố cục của bài thơ.
- Những từ ngữ, hình ảnh nào trong bài thơ thể hiện được tình cảm, cảm xúc của người viết?
- Cho biết cảm hứng chủ đạo của bài thơ.

3. Đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

THU VỊNH

Nguyễn Khuyến

Trời thu xanh ngắt mấy tầng cao,
Cần trúc lơ phơ gió hắt hiu.
Nước biếc trông như tầng khói phủ,
Song thưa để mặc bóng trăng vào.
Mấy chùm trước giậu hoa năm ngoái,
Một tiếng trên không ngỗng nước nào?
Nhân hứng cũng vừa toan cất bút,
Nghĩ ra lại thẹn với ông Đào.

(In trong *Nguyễn Khuyến – Tác phẩm chọn lọc*, Lại Văn Hùng
(giới thiệu và tuyển chọn), NXB Giáo dục, 2009)

- Xác định bố cục của bài thơ.
- Bài thơ được làm theo luật bằng hay luật trắc? Làm rõ bài thơ đã tuân thủ quy định về luật, niêm, vần, đối của thể thơ thất ngôn bát cú luật Đường bằng cách điền vào bảng sau (làm vào vở):

Luật	
Niêm	
Vần	
Đối	

- Cảnh mùa thu được thể hiện ra sao qua sáu câu thơ đầu? Khung cảnh ấy góp phần thể hiện tình cảm, cảm xúc gì của tác giả?
- Trong các cặp câu 3 – 4, 5 – 6, tác giả đã sử dụng những biện pháp tu từ nào? Nêu tác dụng của chúng.
- Bài thơ được ngắt nhịp như thế nào? Nhận xét về cách ngắt nhịp đó.
- Em hiểu gì về hai câu thơ cuối? Theo em, cảm xúc của tác giả ở hai câu thơ này có sự thay đổi ra sao so với các câu thơ trên?
- Cho biết cảm hứng chủ đạo của bài thơ.

II. TIẾNG VIỆT

1. Xác định biện pháp tu từ đảo ngữ trong các trường hợp sau và nêu tác dụng của biện pháp này:

a. *Thuyền đậu thuyền đi hạ kín mũi,
Lúa thừa mưa biển ẩm chân trời
Chiếc tàu chở đá về bến cảng
Khói lẩn màu mây tưởng đảo khơi.*

(Huy Cận, *Mưa xuân trên biển*)

b. *Lặn lội thân cò khi quãng vắng
Eo sèo mặt nước buổi đò đông*

(Trần Tế Xương, *Thương vợ*)

2. Theo em, các trường hợp sau có sử dụng câu hỏi tu từ không? Dựa vào đâu em nhận định như vậy? Nêu tác dụng của câu hỏi tu từ (nếu có).

a. – *Bệnh nhân ra sao rồi?*

– *Anh ta hết đau rồi. – Bác sĩ điều trị đáp.*

Giáo sư nhướng mày:

– *Thế là thế nào?*

Bác sĩ điều trị cup mắt xuống:

– *Anh ta mù rồi!*

(A-zít Nê-xin, *Loại vi trùng quý hiếm*)

b. *Da trời ai nhuộm mà xanh ngắt?*

Mắt lão không vầy cũng đỏ hoe.

(Nguyễn Khuyến, *Thu ẩm*)

III. VIẾT

1. Đọc lại ngữ liệu tham khảo *Chuyến thăm bệnh nhi tại bệnh viện Ung bướu*, bài *Sắc thái của tiếng cười* (Ngữ văn 8, tập một), đối chiếu với *Bảng kiểm kỹ năng viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội đã để lại cho bản thân suy nghĩ, tình cảm sâu sắc*, bài *Sắc thái của tiếng cười* (Ngữ văn 8, tập một) để trả lời các câu hỏi sau:

- a. Mở bài đã giới thiệu được hoạt động xã hội sẽ kể chưa? Chỉ ra câu văn giới thiệu hoạt động đó.
- b. Ở thân bài, người viết đã kể lại được những sự việc nào của hoạt động xã hội mà mình đã tham gia?
- c. Bài viết đã sử dụng kết hợp (những) yếu tố nào bên cạnh phương thức tự sự? Theo em, việc sử dụng kết hợp này đã mang lại hiệu quả gì cho bài viết?
- d. Người viết đã nêu cảm nghĩ gì ở phần kết bài? Theo em, vì sao người viết cần nêu cảm nghĩ sau khi đã kể lại hoạt động?

2. Thực hiện đề bài sau:

Đề bài: Chuyên mục “Đoàn viên làm theo lời Bác” của tập san trường em phát động cuộc thi viết về một hoạt động xã hội có ý nghĩa tích cực đối với cộng đồng mà em đã tham gia hoặc chứng kiến. Hãy viết bài văn (khoảng 500 chữ) để tham gia cuộc thi.

IV. NÓI VÀ NGHE

1. Theo em, bước “Đọc lại, chỉnh sửa và phản hồi” trong quy trình ba bước khi nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác có vai trò gì?

2. Thực hiện đề bài sau:

Đề bài: Kỷ niệm ngày thành lập Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, trường em tổ chức buổi tọa đàm về một hoạt động xã hội có ích với cộng đồng mà các bạn đoàn viên đã tham gia hoặc chứng kiến.

Trong vai trò người nghe, em hãy lắng nghe và tóm tắt ý chính trong bài trình bày của các bạn.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI TẬP

I. ĐỌC

1. Em có thể vẽ sơ đồ tóm tắt luật, niêm, vần, nhịp, đối của thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt luật Đường dựa trên nội dung gợi ý sau:

– Luật: Luật bằng trắc của thơ thất ngôn bát cú hoặc thơ tứ tuyệt luật Đường thường được tóm gọn bằng câu: “nhất – tam – ngũ bất luận, nhị – tứ – lục phân minh”, tức là các tiếng (âm tiết) thứ nhất, thứ ba, thứ năm trong

câu không cần sắp xếp theo đúng luật bằng/ trắc; còn các tiếng thứ hai, thứ tư, thứ sáu trong câu cần tuân theo luật bằng/ trắc rõ ràng. Nếu tiếng thứ hai của câu 1 là tiếng thanh bằng (thanh ngang hoặc thanh huyền) thì bài thơ được làm theo luật bằng. Nếu tiếng thứ hai của câu 1 là tiếng thanh trắc (các thanh sắc, hỏi, ngã, nặng) thì bài thơ được làm theo luật trắc.

– Niêm: Thơ thất ngôn bát cú luật Đường quy định niêm luật như sau: câu 1 niêm với câu 8, câu 2 niêm với câu 3, câu 4 niêm với câu 5, câu 6 niêm với câu 7. Thơ tứ tuyệt luật Đường quy định câu 1 niêm với câu 4, câu 2 niêm với câu 3.

– Vận: Cách gieo vần của thơ luật Đường là cả bài thơ chỉ hiệp theo một vần (còn gọi là độc vận), vần gieo ở cuối câu thơ đầu và cuối các câu chẵn (vần chân), vần được sử dụng thường là vần bằng.

– Nhịp: Cách ngắt nhịp của câu thơ thất ngôn thường là 2/2/3.

– Đối: Đối là đặt câu sòng đôi sao cho ý và chữ trong hai câu ấy cân xứng với nhau. Thơ thất ngôn bát cú luật Đường quy định câu thứ ba đối với câu thứ tư, câu thứ năm đối với câu thứ sáu. Thơ tứ tuyệt luật Đường không có quy định đối cụ thể và khắt khe như thất ngôn bát cú luật Đường.

2. a. Bài thơ được viết theo thể thơ thất ngôn tứ tuyệt luật Đường.

b. Bài thơ được làm theo luật bằng, do tiếng thứ hai của câu thứ nhất là thanh bằng, cụ thể:

Quả	<i>cau</i>	<i>nho</i>	<i>nhỏ</i>	<i>miếng</i>	<i>trầu</i>	<i>hôi</i>
T	B	B	T	T	B	B
Này	<i>của</i>	<i>Xuân</i>	<i>Hương</i>	<i>mới</i>	<i>quệt</i>	<i>rối</i>
B	T	B	B	T	T	B
Có	<i>phải</i>	<i>duyên</i>	<i>nhau</i>	<i>thì</i>	<i>thăm</i>	<i>lại</i>
T	T	B	B	B	T	T
Đừng	<i>xanh</i>	<i>như</i>	<i>lá</i>	<i>bạc</i>	<i>như</i>	<i>vôi</i>
B	B	B	T	T	B	B

c. Sau khi điền B (bằng) hoặc T (trắc) vào ô theo các từ tương ứng và so sánh với bảng luật, niêm, vận, đối trong thơ tứ tuyệt luật Đường, ta thấy bài thơ đã tuân thủ luật thơ một cách chặt chẽ, cụ thể:

Luật	Luật bằng vì tiếng thứ hai của câu 1 là tiếng thanh bằng (cau).
Niêm	Tiếng thứ hai của câu 1 niêm với tiếng thứ hai của câu 4, tiếng thứ hai của câu 2 niêm với tiếng thứ hai của câu 3.
Vần	Chỉ hiệp theo một vần là vần bằng, gieo ở cuối câu 1 (hôi) và các câu chẵn là 2, 4 (rôi – với).
Đối	Thơ tứ tuyệt không có quy định đối cụ thể.

d. Nhận xét về cách ngắt nhịp:

Bài thơ được ngắt nhịp 4/3, cũng có thể ngắt nhịp 2/2/3, là cách ngắt nhịp phổ biến của thơ thất ngôn tứ tuyệt, thể hiện sự chậm rãi, thông thả, tự tình trong lời thơ.

đ. Bố cục 4 phần: khai – thừa – chuyển – hợp.

- Khai (câu 1): giới thiệu về quả cau, miếng trầu.
- Thừa (câu 2): giới thiệu người tằm trầu (Xuân Hương).
- Chuyển (câu 3): dò hỏi ý tứ, tình cảm của người được mời trầu.
- Hợp (câu 4): thể hiện tình cảm, ước vọng hạnh phúc của người mời trầu.

Bài thơ cũng có thể được phân theo bố cục hai câu đầu – hai câu cuối, trong đó hai câu đầu chủ yếu tả cảnh mời trầu, hai câu sau chủ yếu thể hiện tâm tư, tình cảm của tác giả.

e. Những từ ngữ, hình ảnh trong bài thơ thể hiện được tình cảm, cảm xúc của người viết:

- Từ ngữ: *nhỏ nhỏ, Xuân Hương, thăm, xanh, bạc,...*
- Hình ảnh: *quả cau, miếng trầu, mời quệt, xanh như lá, bạc như vôi,...*
- Tình cảm, cảm xúc của tác giả: Những hình ảnh đầy cá tính (của Xuân Hương chứ không phải ai khác) đã thể hiện được tình cảm tinh tế, sâu sắc nhưng cũng không kém phần mạnh dạn, mạnh mẽ của tác giả.

g. Cảm hứng chủ đạo của bài thơ: khát khao hạnh phúc, niềm mơ ước một tình yêu giản dị mà thủy chung, bền vững của người phụ nữ.

3. a. Bố cục bốn phần: đề – thực – luận – kết.

- Đề (câu 1, 2): bức tranh mùa thu qua hình ảnh trời thu và cảnh trúc (thời điểm ban trưa).

– Thực (câu 3, 4): bức tranh mùa thu qua hình ảnh nước biếc và bóng trắng (thời điểm hoàng hôn và dần chuyển vào đêm).

– Luận (câu 5, 6): Hình ảnh hoa và âm thanh tiếng ngỗng mùa thu gián tiếp bộc lộ tâm sự lo lắng thầm kín của tác giả trước cảnh mất nước.

– Kết (câu 7, 8): cảm hứng muốn làm thơ và nỗi tủi thẹn với “ông Đào” của nhà thơ.

Bài thơ cũng có thể được phân theo bố cục bốn câu đầu – bốn câu cuối, trong đó bốn câu đầu chủ yếu tả cảnh mùa thu, bốn câu sau chủ yếu thể hiện tâm tư, tình cảm của tác giả.

b. Bài thơ được làm theo luật bằng vần bằng.

Phân tích luật, niêm, vần, đối của bài thơ thất ngôn bát cú luật Đường mà bài thơ đã tuân thủ:

Luật	Luật bằng vì tiếng thứ hai của câu 1 là tiếng thanh bằng (<i>thu</i>).
Niêm	Tiếng thứ hai của câu 1 niêm với tiếng thứ hai của câu 8, tiếng thứ hai của câu 2 niêm với tiếng thứ hai của câu 3, tiếng thứ hai của câu 4 niêm với tiếng thứ hai của câu 5, tiếng thứ hai của câu 6 niêm với tiếng thứ hai của câu 7.
Vần	Chỉ hiệp theo một vần là vần bằng, gieo ở cuối câu 1 (<i>cao</i>) và các câu chẵn là 4, 6, 8 (<i>vào – nào – Đào</i>).
Đối	Câu thứ ba đối với câu thứ tư, câu thứ năm đối với câu thứ sáu.

c. Cảnh mùa thu trong sáu câu thơ đầu được thể hiện qua:

– Từ ngữ: *xanh ngắt, tầng cao, lơ phơ, hắt hiu*,...

– Hình ảnh: *trời thu, cần trúc, nước biếc, song thưa, bóng trắng, hoa*,...

⇒ Bức tranh mùa thu trong sáu câu thơ đầu của bài *Thu vịnh* là một bức tranh thiên nhiên đẹp nhưng tĩnh lặng; cảnh vật hiện lên trong trẻo, sống động; màu sắc và âm thanh hài hoà, mang nét thanh sơ, dịu nhẹ đặc trưng của mùa thu ở đồng bằng Bắc Bộ.

Khung cảnh ấy góp phần thể hiện tình cảm, cảm xúc của tác giả: Khung cảnh thiên nhiên đẹp nhưng tĩnh lặng góp phần thể hiện tấm lòng yêu thiên nhiên, tâm trạng u buồn man mác, trĩu nặng suy tư về vận nước của người ngắm cảnh.

d. Trong cặp câu 3 – 4, tác giả đã sử dụng những biện pháp tu từ so sánh (*nước biếc – tầng khói phủ*) để tăng giá trị biểu cảm và biện pháp đối (*nước biếc >< song thưa, trông như >< để mặc, tầng khói phủ >< bóng trắng vào*) để tạo nhịp điệu cân xứng cho câu thơ.

Trong cặp câu 5 – 6, tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ đảo ngữ (*mấy chùm hoa và một tiếng ngỗng*) nhằm nhấn mạnh hình ảnh và phép đối (*mấy chùm >< một tiếng, trước giàu >< trên không, hoa năm ngoài >< ngỗng nước nào*) để làm tăng giá trị biểu cảm và tạo nhịp điệu cân xứng cho câu thơ.

đ. Bài thơ được ngắt theo nhịp 4/3 (đề, luận) và 2/2/3 (thực, kết). Đây là cách ngắt nhịp truyền thống của thơ thất ngôn bát cú luật Đường.

e. Hai câu thơ cuối thể hiện nỗi thẹn với “ông Đào” của Nguyễn Khuyến. “Ông Đào” tức là Đào Tiềm, một danh sĩ đồng thời là một nhà thơ nổi tiếng đời Tấn (Trung Quốc), đã treo ẩn từ quan, về sống với ruộng vườn, với cỏ cây, hoa lá để giữ vững khí tiết. Bằng cách sử dụng điển tích này, Nguyễn Khuyến ngầm so sánh mình kém “ông Đào” về tài năng, khí phách và nhân cách. Cụ thể, Nguyễn Khuyến từ quan khi đã 50 tuổi (trẻ hơn Đào Tiềm) và ân hận vì mình đã từng tham gia vào guồng máy chính trị thời nát, bạo ngược đương thời. Tuy nhiên, cũng có thể hiểu “thẹn với ông Đào” là một cách nói bộc lộ tâm lòng yêu nước, nhân cách thanh cao của nhà thơ.

Cảm xúc ở hai câu này có sự thay đổi so với sáu câu trên: từ say đắm với cảnh sắc mùa thu tươi đẹp; đến tiếc nuối, ngờ ngàng, lo lắng trước tình cảnh mất nước; rồi đau đớn, tủi thẹn cho bản thân không bằng được với khí phách của “ông Đào”.

g. Cảm hứng chủ đạo của bài thơ: nỗi buồn của người dân mất nước, sống trong thời thế loạn lạc; cảm giác bất lực vì không thể làm gì cho dân, cho nước; nỗi xót xa, tủi thẹn vì mình không có khí tiết mạnh mẽ và cao cả như ông Đào Tiềm.

II. TIẾNG VIỆT

1. Xác định biện pháp tu từ đảo ngữ được sử dụng trong các trường hợp và tác dụng của biện pháp này:

a. Trong trường hợp này, tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ đảo ngữ (*Lua thưa mưa biển* thay vì *mưa biển lua thưa*) nhằm nhấn mạnh trạng thái

“lừa thừa” của mưa biển, làm tăng giá trị biểu cảm và tính tượng hình cho câu thơ, đồng thời giúp cho cách diễn đạt giàu âm hưởng.

b. Tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ đảo ngữ (*lặn lội thân cò* thay vì *thân cò lặn lội* và *eo sèo mặt nước* thay vì *mặt nước eo sèo*) nhằm nhấn mạnh sự vất vả của người vợ, làm cho sự diễn đạt thêm sinh động, gợi cảm và giàu âm hưởng.

Lưu ý: Trong ngữ liệu này, việc đặt những hình ảnh (*lặn lội – eo sèo, thân cò – mặt nước, khi quăng văng – buổi đò đông*) vào những vị trí cân xứng nhau cũng nhằm mục đích nhấn mạnh sự vất vả, tảo tần của người vợ, làm tăng giá trị biểu cảm và tạo âm hưởng nhịp nhàng cho các câu thơ.

2.

Trường hợp	Câu hỏi tu từ	Cơ sở nhận biết	Tác dụng
a. – Bệnh nhân ra sao rồi? – Anh ta hết đau rồi. – Bác sĩ điều trị đáp. Giáo sư nhướn mày: – Thế là thế nào? Bác sĩ điều trị cụp mắt xuống: – Anh ta mù rồi! (A-zít Nê-xin, <i>Loại vi trùng quý hiếm</i>)	Không	– Kết thúc bằng dấu chấm hỏi. – Nhằm mục đích tìm kiếm câu trả lời.	
b. Da trời ai nhuộm mà xanh ngắt? Mắt lão không vầy cũng đỏ hoe. (Nguyễn Khuyến, <i>Thu ẩm</i>)	Có	– Kết thúc bằng dấu chấm hỏi. – Không nhằm mục đích tìm kiếm câu trả lời.	Bộc lộ cảm xúc của người viết.

III. VIẾT

1. Gợi ý trả lời:

a. Phần mở bài đã giới thiệu được hoạt động xã hội sẽ kể. Câu văn giới thiệu hoạt động là: *Và tôi đã tìm thấy câu trả lời về sự tồn tại của phép màu trong chuyến đi thăm bệnh nhi ung thư nhân ngày hội “Ước mơ của Thủy”.*

b. Ở thân bài, người viết đã kể lại được những thông tin cơ bản về hoạt động xã hội. Đó là:

– Giới thiệu khái quát thông tin về hoạt động: Đây là sự kiện thường niên do Thành đoàn tổ chức, nhằm giúp đỡ và đem lại niềm vui cho các bệnh nhi ung thư.

– Sự việc thứ nhất: đến thăm một phòng của khoa Nhi.

– Sự việc thứ hai: họp mặt với cả đoàn, gặp lại tất cả các bệnh nhi để tặng quà cho các em, cùng nhau ca hát, vui đùa.

c. Bên cạnh phương thức tự sự, bài viết đã sử dụng kết hợp yếu tố miêu tả và biểu cảm trong khi kể lại các sự việc. Việc kết hợp này đã làm cho các sự việc được kể tăng tính cụ thể, rõ ràng, sinh động, khiến người đọc dễ hình dung quang cảnh và không gian diễn ra hoạt động; yếu tố biểu cảm giúp cho người viết bộc lộ trực tiếp hoặc gián tiếp tình cảm, cảm xúc của mình về hoạt động, vì vậy khơi gợi được sự đồng cảm và thu hút người đọc.

d. Ở phần kết bài, người viết đã nêu cảm nhận về sức mạnh của tình người (đó là *phép màu trong cuộc sống*); những bài học quý giá mà các bệnh nhi ung thư đã trao tặng cho mình.

Người viết cần nêu cảm nghĩ sau khi đã kể lại hoạt động xã hội để nâng cao giá trị xã hội, tính hữu ích cho cộng đồng của hoạt động và khẳng định những lợi ích về mặt tinh thần, những bài học quý giá mà bản thân có được từ hoạt động.

2. Hướng dẫn thực hiện bài viết:

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết

Xác định đề tài, người đọc, mục đích viết

Em có thể đọc lại hướng dẫn trong sách giáo khoa để lựa chọn một hoạt động xã hội có ý nghĩa tích cực mà bản thân đã tham gia hoặc chứng kiến để kể lại.

Em hãy chọn một đối tượng người đọc mà em muốn hướng đến và chọn cách viết cho phù hợp với đối tượng người đọc, mục đích viết.

Thu thập tư liệu

Em có thể đọc lại hướng dẫn cách thu thập tư liệu ở phần *Viết*, bài *Sắc thái của tiếng cười* (Ngữ văn 8, tập một).

Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

Tìm ý

Em có thể tìm ý bằng cách điền vào phiếu sau:

PHIẾU TÌM Ý BÀI VIẾT KỂ LẠI MỘT HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI CÓ Ý NGHĨA TÍCH CỰC ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG

Sự việc	Không gian, thời gian diễn ra hoạt động	Quang cảnh, con người	Suy nghĩ, cảm nhận của em
Thu dọn rác trong công viên	– Không gian: ... – Thời gian: ...	– Quang cảnh: ... – Con người: ...	...
Chăm sóc các bụi cây và bồn hoa	– Không gian: ... – Thời gian: ...	– Quang cảnh: ... – Con người: ...	...
Suy nghĩ, cảm nhận của em về toàn cảnh hoạt động: ...			

Lập dàn ý

Em lập dàn ý theo hướng dẫn ở phần *Viết*, bài *Sắc thái của tiếng cười* (Ngữ văn 8, tập một).

Bước 3: Viết bài

Em tiến hành viết bài dựa trên dàn ý đã lập. Trong khi viết, em cần chú ý tham khảo *Bảng kiểm kĩ năng viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội đã để lại cho bản thân suy nghĩ, tình cảm sâu sắc* cũng ở phần *Viết*, bài *Sắc thái của tiếng cười* (Ngữ văn 8, tập một) để đảm bảo đáp ứng đầy đủ yêu cầu của kiểu bài viết.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm

Sau khi viết, em tự đánh giá lại bài viết của mình cũng bằng *Bảng kiểm kĩ năng viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội đã để lại cho bản thân suy nghĩ, tình cảm sâu sắc* đã sử dụng ở bước 3.

IV. NÓI VÀ NGHE

1. Bước “Đọc lại, chỉnh sửa và phản hồi” trong quy trình ba bước khi nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác có vai trò đảm bảo tính

chính xác của phần ghi chép nội dung thuyết trình và hỗ trợ cho việc nhận xét, phản hồi ý kiến của người thuyết trình.

2. Gợi ý cách thực hiện đề bài Nói và nghe.

Bước 1: Chuẩn bị trước khi nghe

– Xác định mục đích nghe: để hiểu về hoạt động xã hội có ích với cộng đồng mà người thuyết trình đã tham gia hoặc chứng kiến.

– Tìm hiểu trước về một số hoạt động xã hội có ích với cộng đồng mà các bạn có thể đã tham gia hoặc chứng kiến (ví dụ: tên hoạt động, mục đích, ý nghĩa của hoạt động,...).

– Chuẩn bị giấy, bút để ghi chép.

Bước 2: Nghe và ghi chép

– Lắng nghe và ghi tóm tắt nội dung chính của bài thuyết trình. Cần chú ý lắng nghe và ghi chép được những nội dung cơ bản như: những thông tin khái quát về hoạt động; địa điểm, thời gian diễn ra hoạt động; quang cảnh của hoạt động được miêu tả như thế nào; có những sự việc gì đã diễn ra ở hoạt động; người thuyết trình có suy nghĩ và cảm xúc gì về hoạt động; giá trị/ ý nghĩa của hoạt động là gì;...

– Ghi lại một số nội dung chưa rõ, cần trao đổi với người thuyết trình; một số câu hỏi cần người thuyết trình làm rõ.

Bước 3: Đọc lại, chỉnh sửa và phản hồi

– Đọc lại bản ghi chép tóm tắt nội dung bài thuyết trình để chỉnh sửa những chỗ diễn đạt còn mơ hồ, khó hiểu.

– Trao đổi với người thuyết trình về nội dung đã ghi chép. Có thể xác nhận lại nội dung đã ghi tóm tắt trước khi nêu câu hỏi hoặc phản biện lại ý kiến của người thuyết trình.

Bài 7

YÊU THƯƠNG VÀ HI VỌNG

(Truyện)

BÀI TẬP

I. ĐỌC

1. Tư tưởng của tác phẩm văn học được biểu hiện qua những yếu tố nào?
 - a. Nhân vật chính, người kể chuyện, đề tài, chủ đề,...
 - b. Đề tài, chủ đề, nhân vật,...
 - c. Hình tượng nghệ thuật, đề tài, chủ đề, cảm hứng chủ đạo,...
 - d. Hình tượng nghệ thuật, nhân vật, cảm hứng chủ đạo,...

2. Đọc đoạn trích sau và liệt kê những chi tiết miêu tả lời nói, thái độ, hành động của nhân vật Xa-vu-skin; chọn phân tích một chi tiết mà em thích nhất:

— Cô An-na Va-xi-li-ép-na, cô nhìn xem này!

Nó gắng sức vằn một tảng tuyết bên dưới bết những đất cùng với đám cỏ mục nát vẫn còn sót lại. Ở đây, trong một cái hố, có một cục tròn bọc trong những tấm lá đã mủn nát mỏng dính như mạng nhện. Qua lớp lá thò ra những đầu kim nhọn hoắt.

An-na Va-xi-li-ép-na đoán ra đây là con nhím.

— Nó tự ủ ấm mới khéo chứ! — Xa-vu-skin ân cần đắp cho con nhím tấm chăn mộc mạc của nó. Rồi thằng bé bới tuyết cạnh một khúc rễ khác. Trước mắt là một cái hang nhỏ xíu, trên vòm có những trụ băng rủ xuống như tua viền. Trong hang, một con nhái màu nâu nom như bằng bìa cứng ngồi chồm hổm, làn da căng dính xương bóng như đánh véc-ni, Xa-vu-skin sờ vào con nhái, nó không động đậy.

— Vờ vĩnh! — Xa-vu-skin bật cười — Làm như đã chết rồi. Thế mà nằng ăm lên là nó nhảy ngay đi cho mà xem, ôi chao, cứ là như chơi chơi ấy! Thằng bé tiếp tục đưa An-na Va-xi-li-ép-na đi thăm cái thế giới bé nhỏ của mình.

Dưới gốc sồi còn nhiều khách trọ khác: bộ dừa, thần lùn, rệp cây. Một số ẩn kín dưới các nhánh rễ, số khác rúc vào những kẽ vỏ cây. Con nào cũng gầy

nhom, dường như bên trong rỗng tuếch, chúng ngủ vùi cho qua mùa đông. Cái cây cường tráng, tràn trề nhựa sống tích tụ quanh nó nhiều sinh lực ảm áp đến nỗi loài thú đáng thương không thể tìm đâu ra căn nhà tốt hơn.

(lu-ri Na-ghi-bin, Cây sỏi mùa đông)

3. Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

TÍ BỤI¹

Quế Hương

Hồi mới đến ở, nhà tôi cứ tí tí mất dép. Đôi sáng đàn con mới xỏ chân ngày mồng một Tết, mồng hai phải đi dép cũ. Anh bạn đến chơi lịch sự cởi giày ở tấm chùi chân trước hiên, ra về chỉ còn đôi vớ! Học trò đến thăm có đưa đi chân không về. Tôi than phiền với người hàng xóm, chị ấy bảo: “Thằng Tí bụi chứ ai vô đây. Suu tổ ăn cắp vặt. Cô vô nhà hấn mà chửi.”. Tôi không biết chửi. Vả lại không bắt quả tang làm sao mà chửi hấn. Thế là tôi bắt đầu cảnh giác. Khi có khách, tôi nhìn chằm chằm ra cổng.

Rồi nhà tôi bỗng xuất hiện một vị khách không mời. Đó là một con chó đen tuyền, gầy gò ngồi chực trước cửa. Ngó bộ dạng chẳng mấy khi được no của hấn tôi thấy thương ném cho mấy mẩu xương. Hôm sau, hấn lại xuất hiện, mắt dán vào tôi. Không cảm lòng được, tôi lại cho ăn. Cứ thế ngày lại ngày, giữa hấn và tôi bỗng hình thành một mối dây buộc chặt. Có xương tôi để dành cho hấn. Đi ăn giỗ ở nhà mẹ tôi cũng nghĩ đến hấn và nhặt cả túi xương về. Tôi mở cửa cho hấn vào nhận quà. Hấn nhìn đồng xương ứa nước dãi nhưng chưa ăn ngay.

Hấn nằm xoài trước hiên, gối đầu lên hai chân trước thở hắt ra sung sướng như một kẻ được nằm nghỉ trên chiếc giường thân thuộc của mình, mắt vẫn ngó tôi đợi chờ một cái vuốt ve. Bao giờ ăn hấn cũng chừa lại một mẩu to nhất tha về. Thế rồi một lần hấn đang ăn bỗng có tiếng huýt gió. Lập tức hấn bỏ bữa rồi len lén tha một chiếc dép chạy ra cổng. Thỉ ra thủ phạm trộm dép nhà tôi chính là hấn. Nói đúng hơn là tên huýt gió. Thấy tôi cảnh giác, nó huấn luyện con chó thành tòng phạm².

¹ *Tí bụi*: “Tí” là tên nhân vật, “bụi” là biệt danh chỉ đứa trẻ “bụi đời”, sống lang thang, vất vưởng, không nhà cửa.

² *Tòng phạm*: đối tượng cùng tham gia một hành động phạm pháp.

Hắn vẫn ngồi trước cổng nhà tôi đầu cổng và cả lòng tôi đã khép. Thấy tôi, hắn vẫy đuôi. Tôi bỏ đi, hắn tru lên thảm thiết. Giận dữ tôi ném chiếc dép còn lại mà hắn đã tha mất một chiếc qua rào nhưng hắn không thèm nhặt. Ném một mẫu xương hắn cũng không buồn ăn. Hắn nhìn tôi và cái cổng đóng chặt như muốn hỏi tại sao không mở cho hắn.

Tôi gặp hắn đi cùng một thằng nhóc ra chợ. Tôi lơ hắn còn hắn chạy đến vẫy đuôi tíu tít mừng tôi. “Win, lại đây!” – Thằng nhóc gọi. Thì ra hắn tên Win. Còn thằng kia chắc là Tí bụi vì trông hắn rất “bụi”. Loắt choắt, bần thủ, ranh ma. Mua xong, ra đến cửa chợ tôi bỗng nghe tiếng chân sầm sập và tiếng la í ới: “Trộm... trộm... bắt lấy!”. Một con chó đen miệng ngậm tảng thịt lao ra khỏi chợ, ngang qua tôi bỗng dừng lại. Chỉ cần tích tắc khựng lại ấy, người đuổi theo đằng sau đã kịp quật một gậy. Đau quá hắn khuyu xuống. Chiếc gậy lại nhắm đầu hắn vút tới. Tôi kịp thấy đôi mắt hắn nhìn tôi da diết... Không nghĩ, tôi đưa chiếc giỏ thức ăn đồ đòn cho hắn. Con chó thoát hiểm gượng dậy lão đảo chạy tiếp còn tôi ngồi giữa đồng đồ ăn tung toé với bao câu rửa ráy: Tự nhiên hừng! Chắc là chủ. Ngó thế mà là chủ của con chó ăn cắp! Đền đây! Hón kị thịt đây!...

Trưa hôm ấy, một đôi dép phiêu bạt bỗng trở về lại mái nhà xưa!

Từ đó cổng nhà tôi hay mở và con Win vào nằm xoài trước mái hiên đầy nắng. Nó ăn, lơ mơ ngủ rồi sực nhớ đến chủ lại tất tả ra về. Thỉnh thoảng tôi gói cái gì đó trong bao ni lông. Con chó thật khôn, thấy đưa bao ni lông là biết ngay quà của chủ, lập tức ngậm ở miệng chạy về. Trong bao ni lông đôi khi còn là mấy chiếc áo cũ. Soạn đồ của con, tôi chạnh nghĩ đến chiếc áo bản ngắn cũn cỡn¹ không cài khuy của Tí bụi...

Con Win ngày càng nặng nề. Thì ra hắn sắp làm mẹ. Một lần có giỗ, đợi hắn không ra, tôi cầm bịch thức ăn hỏi nhà Tí bụi. Hắn ở tuốt xóm trong, bên hồ rau muống của bà Tư. Không ai thấy cha hắn. Hai mẹ con sống lẫn lóc ở hè phố bụi bờ. Bà Tư cho che tạm túp lều bên hồ rau muống để vừa canh rau cho bả vừa có chỗ chui ra chui vào. “Nhà” Tí bụi mùa hè mát nhưng mùa đông lạnh lùng. Túp lều đầy rác, nhỏ nhoi như tai nấm, không biết tựa vào đâu để trốn gió. Những tấm ni lông che chắn tạm bợ cứ lật lòng khoe túp lều nát rác đuổi nhau loăng quăng. Bà mẹ tâm thần của Tí bụi ngày nào cũng đi kiếm rác rồi tần mẩn đếm như người ta đếm tiền, thỉnh thoảng phì cười một mình.

¹ Ngắn cũn cỡn: ngắn đến mức trông như bị cụt mất một phần.

Con Win có nhiệm vụ không cho người lạ vặt rau muống của bà Tư, không cho bà điên ra khỏi nhà ban đêm và theo Tí bụi kiểm ăn. Thấy tôi, hấn nhồm dậy mừng rồi lại nằm xuống hãnh diện liếm mấy chú cún bé xiu trên chiếc bao tời rách như muốn khoe rằng con hấn đấy! Còn Tí bụi đang luộc rau muống bằng rác, chùi tay vào quần giương mắt ngó tôi.

Trong túp lều rách nát ấy, những sinh vật khốn cùng lại rất thương nhau. Thấy cách Tí bụi săn sóc bà mẹ điên và bầy chó, tôi nhận ra sau lớp bụi đời và cái bẩn, tâm hồn hấn vẫn lóng lánh những sắc màu đáng quý. Bầy chó con dễ thương lên từng ngày. Tí bụi bảo con đẹp nhất sẽ tặng tôi. Nhiều đêm tôi thức giấc, túp lều ngập rác và ngập cả tình yêu ấy bỗng hiện ra. Cả những dự tính. Chẳng hạn chuyện Tí bụi học chữ, đi bán vé số thay vì moi rác và ăn cắp...

Sáng ấy, tôi có tiết thao giảng. Vừa dắt xe ra đã thấy Tí bụi đợi ở cổng, nghẹn ngào:

“Cô ơi! Con Win...!”

Bà mẹ điên của Tí bụi lang thang tìm con Win, gặp ai cũng hỏi: “Thấy hấn mô không? Đêm qua tui trốn hấn đi chơi... Chừ hấn trốn tui đi chơi...”.

Dấu máu con Win vẫn còn trên lối xóm. Hấn bị bọn bắt chó quật gây sát vào đầu khi chạy theo bà điên...

Trời trở lạnh. Túp lều bên hồ rau muống đầy gió và im lặng. Những mảnh ni lông rách te tua vẫn cuồn cuộn loạn trong vũ khúc gió. Rác loăng quăng chơi trò đuổi nhau. Không thấy Tí bụi. Lù lù trong túp lều trông hoác là ổ chó chưa mở mắt. Chúng đang đói lạnh vì thiếu mẹ. Tôi cầm đĩa sữa đến đó và thấy lũ chó châu đầu rúc vào một đồng đen đen. Nhìn kĩ là Tí bụi. Nó trùm bao tời, khoanh người ủ ấm cho lũ chó con!

(In trong *Đám cưới cỏ*, Quế Hương, NXB Kim Đồng, 2019)

- Nêu đề tài của truyện *Tí bụi*.
- Nhân vật chính trong truyện ngắn *Tí bụi* là ai? Dựa vào đâu để em xác định đó là nhân vật chính?
- Ai là người kể chuyện trong truyện *Tí bụi*? Theo em, vì sao tác giả lại chọn nhân vật đó làm người kể chuyện?

- d. Lựa chọn và phân tích ý nghĩa của một số chi tiết tiêu biểu trong câu chuyện.
- đ. Từ những chi tiết được kể trong câu chuyện, em có nhận xét gì về tính cách của nhân vật Tí bự?
- e. Cách nhân vật “tôi” nhìn nhận về Tí bự và cuộc sống của gia đình Tí bự có gì khác so với người dân trong vùng? Sự khác biệt đó thể hiện cách nhìn con người, cuộc sống của nhà văn như thế nào?
- g. Xác định chủ đề của truyện *Tí bự* và nêu một số căn cứ giúp em xác định chủ đề đó.

II. TIẾNG VIỆT

1. Biệt ngữ xã hội được tạo ra với mục đích gì?
2. Trong các trường hợp sau, trường hợp nào có thể dùng, trường hợp nào không nên dùng biệt ngữ xã hội của giới trẻ? Vì sao?
 - a. Trò chuyện với các bạn về một vài chuyện mới xảy ra ở trường, lớp.
 - b. Viết thư tự giới thiệu về bản thân để xin cấp học bổng đi du học.
 - c. Viết bản tin cho trang báo online của trường nhân sự kiện ngày hội học sinh.
 - d. Viết đơn xin phép nghỉ học gửi giáo viên chủ nhiệm lớp.
3. Đọc đoạn trích sau và thực hiện những yêu cầu bên dưới:

Lúc này, người đi chợ đã khá đông, nắng hoe vàng vuer những cánh tay của mình xua tan màn sương bàng bạc. Sương ẩm cả nền đất, sương đọng cả nhánh cây ngọn lá. Con Vện lơ ngơ ngó, giật mình khi chạm nhẹ sương ướt, khẽ rên nhẹ. Nó trở nên nhanh nhẹn hẳn khi có vị khách đầu tiên đến hàng, bốn chân nó luỳnh quỳnh chạy quanh như mừng rỡ lắm. Nội tôi nhanh tay làm một hình Tôn Ngộ Không theo yêu cầu của thằng nhóc da đen nhẻm, tóc phát phơ râu ngô đứng kiêu trể trâu trông rất buồn cười.

Nhận những tờ tiền lẻ nhàu nhĩ từ thằng bé, nội vuốt lại thật phẳng trước khi xếp cất. Thằng bé cười khoe hàm răng vừa sún vừa sâu rồi ngậm cái còi gắn trên đầu Tôn Ngộ Không thổi te te. Trước khi quay đầu chạy rời đi, nó còn hí hửng khoe với tôi kì thi vừa rồi rồi may mà trúng tủ, không bị ăn ghi đông, ghé đầu nên được mẹ cho tiền quà rất xôm.

(Võ Thu Hương, *Khi tò he biết khóc*)

- a. Tìm biệt ngữ xã hội của giới trẻ trong đoạn trích trên.
 - b. Việc sử dụng biệt ngữ của giới trẻ trong đoạn trích có tác dụng gì?
4. Tìm ít nhất ba biệt ngữ xã hội và điền thông tin vào bảng dưới đây (làm vào vở):

STT	Biệt ngữ xã hội	Nhóm người sử dụng	Ý nghĩa
1			
2			
3			

5. Xác định thành ngữ trong bài thơ sau và nêu tác dụng của thành ngữ ấy:

*Thân em vừa trắng lại vừa tròn
 Bảy nổi ba chìm với nước non
 Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn
 Mà em vẫn giữ tấm lòng son*

(Hồ Xuân Hương, *Bánh trôi nước*)

III. VIẾT

1. Trình bày những yêu cầu của bài văn phân tích một tác phẩm văn học.
2. Lập dàn ý cho bài văn phân tích truyện *Tí bự*.
3. Dựa vào dàn ý trên, hãy viết bài văn (không quá 800 chữ) phân tích truyện ngắn *Tí bự* của nhà văn Quế Hương.

IV. NÓI VÀ NGHE

1. Trình bày một số cách để phản hồi, góp ý cho bạn/ nhóm bạn sau khi em nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình của bạn/ nhóm bạn.
2. Thực hiện đề bài sau:

Đề bài: Trong buổi sinh hoạt *Câu lạc bộ Văn học* sắp tới, lớp em sẽ tổ chức giới thiệu, thuyết trình về một tác phẩm văn học yêu thích. Với những tác phẩm đã đọc (trong sách giáo khoa và sách bài tập), em hãy:

- a. Trong vai trò người nói, xây dựng nội dung bài thuyết trình của mình dựa trên sản phẩm phần *Viết* hoặc dựa trên dàn ý hướng dẫn trong phần *Viết*.
- b. Trong vai trò người nghe, hãy lắng nghe, ghi chép và tóm tắt ngắn gọn nội dung bài thuyết trình tác phẩm văn học mà em yêu thích nhất.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI TẬP

I. ĐỌC

1. Để trả lời câu hỏi này, em hãy đọc lại mục *Tri thức Ngữ văn* trong sách giáo khoa, phần *tư tưởng của tác phẩm văn học*, sau đó xác định đáp án chính xác nhất.

Đáp án: **c** (Tư tưởng của tác phẩm văn học được biểu hiện qua những yếu tố: hình tượng nghệ thuật, đề tài, chủ đề, cảm hứng chủ đạo,...).

2. Liệt kê những chi tiết miêu tả lời nói, thái độ, hành động của nhân vật Xa-vu-skin:

Lời nói	Thái độ	Hành động
– Cô An-na Va-xi-li-ép-na, cô nhìn xem này! – Nó tự ủ ấm mới khéo chứ! – Vờ vĩnh! – Xa-vu-skin bật cười – Làm như đã chết rồi. Thế mà nằng ăm lên là nó nhảy ngay đi cho mà xem, ôi chao, cứ là như chơi chơi ấy!	– Ân cần với con nhím. – Bật cười, mắng yêu con nhái khi thấy nó nằm im không động đậy.	– Gắng sức vãn một tảng tuyết bên dướiбет những đất cùng với đám cỏ mục nát vẫn còn sót lại để tìm con nhím. – Đáp cho con nhím tấm chăn mộc mạc của nó. – Sờ vào con nhái. – Đưa cô giáo An-na Va-xi-li-ép-na đi thăm cái thế giới bé nhỏ của mình.

Từ bảng liệt kê trên, em chọn một chi tiết mà mình thích nhất để phân tích. Trong số các chi tiết trên, có hai chi tiết tiêu biểu đó là:

- Lời nói, thái độ, hành động của Xa-vu-skin với con nhím.
- Lời nói, thái độ, hành động của Xa-vu-skin với con nhái.

Cả hai chi tiết trên đều có chung một ý nghĩa: thể hiện khả năng quan sát; thái độ quan tâm, gần gũi; hành động ăm áp, thân tình, hồn nhiên và đầy yêu thương của chú bé Xa-vu-skin với các loài sinh vật nhỏ sống dưới gốc cây sồi mùa đông.

3. Gợi ý trả lời:

a. Đề tài của truyện ngắn *Tí bụi*:

Cuộc sống của những đứa trẻ kém may mắn, bị coi là “bụi đời” trong mắt những người xung quanh.

b. Nhân vật chính và cơ sở xác định nhân vật chính:

– Nhân vật chính trong truyện ngắn là cậu bé tên Tí, có biệt danh “Tí bụi”.

– Cơ sở để xác định “Tí bụi” là nhân vật chính:

+ Tên nhân vật đồng thời là tên truyện.

+ Tí bụi có những hành động tác động đến cốt truyện và diễn tiến các sự kiện trong truyện (ví dụ: ăn trộm dép của nhà cô giáo, sai khiến con Win lấy trộm đồ, trả lại dép cho nhà cô giáo, chăm sóc đàn chó con khi con Win bị bọn trộm chó bắt đi mất,...).

+ Tí bụi là nhân vật thể hiện rõ nhất tư tưởng, chủ đề của truyện: đề cao sự đồng cảm và yêu thương không phân xét những đứa trẻ bị xem là “bụi đời”; lòng vị tha, bao dung với những đứa trẻ bất hạnh.

c. Người kể chuyện và vai trò của người kể chuyện:

– Người kể chuyện trong *Tí bụi* là nhân vật “tôi”, một cô giáo mới chuyển đến ở trong vùng.

– Tác giả chọn nhân vật “tôi” làm người kể chuyện nhằm tăng thêm tính chân thật, sự rung động, cảm xúc cho câu chuyện từ góc nhìn của nhân vật “tôi”; đồng thời, với góc nhìn của một cô giáo, cách nhân vật “tôi” nhìn nhận về Tí bụi cũng đầy yêu thương, đồng cảm, nhân văn.

d. Lựa chọn và phân tích ý nghĩa của một số chi tiết tiêu biểu trong truyện *Tí bụi*:

Chi tiết tiêu biểu	Ý nghĩa
Cô giáo (nhân vật “tôi”) đưa chiếc giỏ thức ăn ra đỡ đòn cho con Win khi nó theo Tí bụi đi ăn cắp thịt ở chợ và bị người ta đánh.	– Thể hiện tấm lòng yêu thương, ý muốn giúp đỡ của cô giáo dành cho chú bé Tí bụi và con Win. – Giúp cảm hoá đứa trẻ “bụi đời” như Tí bụi. Sau hành động này, Tí bụi đã tự giác trả lại chiếc dép từng ăn trộm của cô và nhận sự quan tâm, chia sẻ của cô trong cuộc sống.

Hình ảnh túp lều của Tí bự và những dự định của cô giáo: <i>Nhiều đêm tôi thức giấc, túp lều ngập rác và ngập cả tình yêu ấy bỗng hiện ra. Cả những dự tính. Chẳng hạn chuyện Tí bự học chữ, đi bán vé số thay vì moi rác và ăn cắp...</i>	– Khẳng định cuộc sống luôn tồn tại tình yêu thương, ngay cả khi cuộc sống trở nên vô cùng khó khăn, thiếu thốn về mặt vật chất. – Gửi gắm ước mơ, hi vọng của cô giáo cũng là của nhà văn về một tương lai tươi sáng hơn dành cho những đứa trẻ bất hạnh như Tí bự.
Chi tiết Tí bự “trùm bao tời, khoanh người ủ ấm cho lũ chó con!” sau khi con Win bị bắt đi mất.	– Thể hiện vẻ đẹp của nhân vật Tí bự: sự yêu thương, chăm sóc mà chú bé dành cho đàn chó con mất mẹ. – Nhấn mạnh thông điệp của nhà văn về giá trị của tình yêu thương trong cuộc sống.

đ. Nhận xét về nét tính cách của nhân vật Tí bự:

– Tinh ranh, lì lợm (ăn cắp để sống, dạy con Win cách lấy trộm đồ bằng tiếng huýt sáo).

– Biết phục thiện, sửa lỗi sai (trả lại chiếc dép cho cô giáo sau khi cô đưa giỏ thức ăn đồ ăn cho con Win ở chợ).

– Biết quan tâm, yêu thương người thân và loài vật (tình yêu dành cho người mẹ điên, tình yêu dành cho con Win và bầy chó con).

e. Tư tưởng của tác giả thể hiện trong câu chuyện thông qua góc nhìn của nhân vật “tôi” và người dân trong làng:

– Cách nhân vật “tôi” nhìn nhận về Tí bự: thấu hiểu, thương xót, giúp đỡ.

– Cách người dân nhìn nhận về Tí bự: đề phòng, nghi ngờ, coi thường.

Sự khác biệt trong hai cách nhìn đó thể hiện cách nhìn con người, cuộc sống của nhà văn: đề cao sự đồng cảm và yêu thương, không phán xét.

g. Chủ đề của truyện *Tí bự* là: tình yêu thương, lòng vị tha, bao dung với những đứa trẻ bất hạnh.

Căn cứ để xác định chủ đề:

– Câu chuyện, sự kiện: câu chuyện Tí bự lấy dép của nhân vật “tôi”, nhân vật “tôi” thương con Win, nhân vật “tôi” giúp đỡ con Win và gia đình Tí bự.

– Nhân vật và mối quan hệ giữa nhân vật với hoàn cảnh và các nhân vật khác: Tí bự có mối quan hệ với không gian vùng quê, với không gian căn lều rách nát của hai mẹ con; giữa Tí bự với cô giáo, với mẹ và con Win, với người dân trong vùng,...

– Chi tiết, mối quan hệ giữa các chi tiết: nhan đề *Tí bự* và mối quan hệ giữa nhan đề này với một loạt các chi tiết như: Tí bự ăn trộm đồ của cô giáo, sai con Win đi ăn trộm đồ, cảm kích với sự giúp đỡ của cô giáo, biết phục thiện, biết chăm lo cho đàn chó con khi con Win bị bắt đi.

– Kết cấu: sự tương phản giữa cái nhìn của người dân trong vùng với mẹ con Tí bự (phán xét, kì thị, xa lánh, coi thường, vô cảm,...) và thái độ, cách ứng xử của cô giáo – nhân vật “tôi” (yêu thương, tôn trọng, giúp đỡ, đồng cảm,...).

– Điểm nhìn, ngôi kể, cách kể chuyện: Người kể chuyện ngôi thứ nhất tạo nên sự chủ quan, nhiều cảm xúc, suy ngẫm cho câu chuyện, nhưng điểm nhìn, ngôi kể chủ yếu tập trung vào chú bé Tí bự vừa đáng giận lại vừa đáng thương.

II. TIẾNG VIỆT

1. Em đọc lại phần *Tri thức Ngữ văn* trong sách giáo khoa, phần *Biệt ngữ xã hội: chức năng và giá trị* để xác định mục đích tạo ra biệt ngữ.

2. *Gợi ý trả lời:*

a. Trò chuyện với các bạn về một vài chuyện mới xảy ra ở trường, lớp:

– Có thể sử dụng biệt ngữ.

– Lí do: Đây là tình huống giao tiếp hằng ngày, không theo nghi thức, đối tượng giao tiếp là bạn bè (những người cùng nhóm) nên có thể sử dụng biệt ngữ xã hội (biệt ngữ của giới trẻ).

b. Viết thư tự giới thiệu về bản thân để xin cấp học bổng đi du học:

– Không thể sử dụng biệt ngữ.

– Lí do: Biệt ngữ xã hội của giới trẻ có phạm vi giao tiếp hạn chế, chủ yếu được dùng trong tầng lớp xã hội tạo ra nó và trong hoàn cảnh giao tiếp không theo nghi thức (sinh hoạt hằng ngày). Vì vậy, nếu sử dụng biệt ngữ xã

hội trong bức thư tự giới thiệu về bản thân để xin cấp học bổng thì sẽ không phù hợp.

c. Viết bản tin cho trang báo online của trường nhân sự kiện ngày hội học sinh:

– Có thể sử dụng biệt ngữ (với mức độ nhất định, tùy vào mục đích viết bài và đối tượng độc giả).

– Lí do: Nếu viết bản tin dành cho giới trẻ thì có thể sử dụng biệt ngữ xã hội của giới trẻ (với một mức độ nhất định). Điều này sẽ giúp bài viết hấp dẫn độc giả hơn.

d. Viết đơn xin phép nghỉ học gửi giáo viên chủ nhiệm lớp:

– Không thể sử dụng biệt ngữ.

– Lí do: Đơn xin nghỉ học là văn bản hành chính. Loại văn bản này không chấp nhận biệt ngữ hoặc các từ ngữ dùng trong sinh hoạt hằng ngày.

3. Em đọc kĩ đoạn trích và thực hiện những yêu cầu đã cho. *Gợi ý trả lời:*

a. Các biệt ngữ xã hội của giới trẻ có trong đoạn trích: *trẻ trâu, ghi đông, ghẻ đầu*.

b. Việc sử dụng biệt ngữ của giới trẻ trong đoạn trích có tác dụng: làm cách diễn đạt trở nên gần gũi với giới trẻ, làm cho câu chuyện trở nên chân thật hơn.

4. Với bài tập này, em có thể tìm biệt ngữ xã hội trên báo chí, trong các tác phẩm văn chương hoặc trong đời sống hằng ngày và hoàn thành bảng đã cho (làm vào vở). Dưới đây là ví dụ:

STT	Biệt ngữ xã hội	Nhóm người sử dụng	Ý nghĩa
1.	<i>gét gô</i>	giới trẻ	đi nào, đi thôi (cách phát âm sai cụm từ tiếng Anh “let’s go”).
...	...	...	...

5. *Gợi ý trả lời:*

– Trong bài thơ, tác giả sử dụng thành ngữ *bảy nổi ba chìm* (thành ngữ tương tự: *ba chìm bảy nổi*).

– Việc sử dụng thành ngữ *bảy nổi ba chìm* có tác dụng:

+ Diễn tả chân thực hình ảnh bánh trôi nước: Khi được đem thả vào nồi nước sôi, ban đầu, bánh trôi chìm xuống, sau đó dần nổi lên trên mặt nước.

+ Chỉ cuộc đời người phụ nữ trong xã hội xưa cũng long đong, chìm nổi như bánh trôi nước. Cách diễn đạt này làm cho câu thơ giàu hình ảnh, giàu cảm xúc hơn.

III. VIẾT

1. Những yêu cầu của bài văn phân tích một tác phẩm văn học: tìm câu trả lời trong phần *Viết* của sách giáo khoa.

2. Dựa vào nội dung trả lời của câu 3 (phần *Đọc* phía trên), em tiến hành lập dàn ý cho bài văn phân tích truyện ngắn *Tí bự*.

Gợi ý trả lời:

MỞ BÀI

– Tác giả: Em hãy tìm một số thông tin về tác giả Quế Hương trên các sách, báo (ví dụ: <https://baodanang.vn/channel/5417/201302/nha-van-que-huong-chung-cat-noi-buon-am-ap-2219193/>) hoặc Trang thông tin điện tử tổng hợp Văn nghệ Đà Nẵng (<https://vanngheданang.org.vn/nha-van-que-huong-8400.html>) để chọn lọc ý, đưa vào phần này.

– Truyện ngắn *Tí bự*: được in trong tập truyện ngắn *Đám cưới cỏ* (NXB Kim Đồng, 2004).

– Nhận xét chung: Em hãy tóm tắt một số ý về chủ đề và nghệ thuật mà em đã xác định khi trả lời cho câu hỏi đọc hiểu văn bản *Tí bự* để viết thành một câu nhận xét chung về tác phẩm.

THÂN BÀI

Luận điểm 1: nêu chủ đề, phân tích chủ đề

– Chủ đề của truyện *Tí bự*: tình yêu thương, lòng vị tha, bao dung với những đứa trẻ bất hạnh.

– Phân tích chủ đề: thể hiện qua sự đối lập về góc nhìn giữa nhân vật “tôi” và người dân trong vùng về *Tí bự*.

Luận điểm 2: nêu và phân tích các yếu tố nghệ thuật đặc sắc

– Chọn người kể chuyện ngôi thứ nhất:

+ Người kể chuyện trong *Tí bụi* là nhân vật “tôi” – một cô giáo.

+ Tác giả chọn nhân vật “tôi” làm người kể chuyện nhằm tăng thêm tính chân thật, sự rung động, cảm xúc cho câu chuyện; đồng thời, với góc nhìn của một cô giáo, cách nhân vật “tôi” nhìn nhận về *Tí bụi* cũng đầy yêu thương, đồng cảm, nhân văn.

– Xây dựng tính cách nhân vật *Tí bụi* chân thực, sinh động qua lời nói, hành động với các nét tính cách như:

+ Tinh ranh, lì lợm.

+ Biết phục thiện, biết sửa lỗi sai.

+ Ấm áp, biết quan tâm, yêu thương người thân và loài vật.

– Chi tiết tiêu biểu và ý nghĩa của một/ một số chi tiết:

+ Chi tiết cô giáo (nhân vật “tôi”) đưa chiếc giở thức ăn ra đỡ đòn cho con Win khi nó theo *Tí bụi* đi ăn cắp thịt ở chợ và bị người ta đánh.

⇒ Ý nghĩa của chi tiết: thể hiện tấm lòng yêu thương, ý muốn giúp đỡ của cô giáo dành cho chú bé *Tí bụi* và con Win; giúp cảm hoá đứa trẻ “bụi đời” như *Tí bụi*.

+ Hình ảnh túp lều của *Tí bụi* và những dự định của cô giáo: “Nhiều đêm tôi thức giấc, túp lều ngập rác và ngập cả tình yêu ấy bỗng hiện ra. Cả những dự tính. Chẳng hạn chuyện *Tí bụi* học chữ, đi bán vé số thay vì moi rác và ăn cắp...”.

⇒ Khẳng định cuộc sống luôn tồn tại tình yêu thương, ngay cả khi cuộc sống trở nên vô cùng khó khăn, thiếu thốn về mặt vật chất; Gửi gắm ước mơ, hi vọng của cô giáo cũng là của nhà văn về một tương lai tươi sáng hơn dành cho những đứa trẻ bất hạnh như *Tí bụi*.

– Chi tiết *Tí bụi* “trùm bao tòi, khoanh người ủ ấm cho lũ chó con!” sau khi con Win bị bắt đi mất.

⇒ Thể hiện vẻ đẹp của nhân vật *Tí bụi*: sự yêu thương, chăm sóc mà chú bé dành cho đàn chó con mất mẹ; Nhấn mạnh thông điệp của nhà văn về giá trị của tình yêu thương trong cuộc sống.

3. KẾT BÀI

– Khẳng định chủ đề: giá trị, sức mạnh của tình yêu thương, bao dung, vị tha trong cuộc sống.

– Cảm nhận/ bài học của người viết: mở rộng tâm lòng để thấu hiểu, yêu thương mọi người xung quanh thay vì “dán nhãn” và phán xét.

3. Để viết được bài văn phân tích truyện ngắn *Tí búi*, em cần thực hiện các bước sau:

Bước 1: Tìm ý bằng cách xác định những yêu cầu chính trong đề bài

- Yêu cầu về thể loại: viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học.
- Yêu cầu về nội dung: phân tích chủ đề và một số nét đặc sắc trong hình thức nghệ thuật của truyện *Tí búi*.
- Yêu cầu về hình thức: bài văn với dung lượng tối đa 800 chữ, có đầy đủ ba phần: mở bài, thân bài, kết bài.

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý (sử dụng dàn ý đã hoàn thành ở câu số 2 – phần *Viết*)

Bước 3: Viết bài văn dựa trên dàn ý em vừa lập

Triển khai bài viết dựa trên dàn ý, lưu ý:

- Nêu luận điểm, lí lẽ kết hợp với bằng chứng.
- Tách đoạn hợp lí.
- Sử dụng các phương tiện liên kết để liên kết các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng.

Bước 4: Xem lại bài viết và chỉnh sửa

Em dựa vào bảng kiểm trong sách giáo khoa để tự chỉnh sửa lại bài viết của mình.

IV. NÓI VÀ NGHE

1. Để phản hồi, góp ý cho bạn/ nhóm bạn sau khi nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình của bạn/ nhóm bạn, em có thể sử dụng các cách sau đây:

- Lắng nghe bài thuyết trình của bạn/ nhóm bạn một cách tập trung, nghiêm túc.

– Đặt câu hỏi sau khi bạn/ nhóm bạn kết thúc bài thuyết trình ở những nội dung em chưa hiểu hoặc chưa ghi kịp thông tin.

– Sử dụng bảng kiểm trong sách giáo khoa để đánh giá bài thuyết trình của bạn/ nhóm bạn.

2. Thực hiện đề bài giới thiệu, thuyết trình về một tác phẩm văn học yêu thích (có thể chọn những tác phẩm đã học trong sách giáo khoa, sách bài tập).

a. Trong vai trò người nói:

Em có thể dựa vào nội dung bài viết về truyện *Tí bự* hoặc chọn một tác phẩm yêu thích khác để thực hiện bài nói của mình. Tuy nhiên, em cần thực hiện một số điều chỉnh sau để chuyển bài viết sang bài nói:

– Chọn lọc một số luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong bài viết để chia sẻ với các bạn, không nhất thiết phải trình bày hết nội dung đã viết.

– Sử dụng công cụ hỗ trợ để bài nói của em gây ấn tượng, thu hút người nghe hơn như: sơ đồ tư duy, đồ vật liên quan đến nội dung bài nói, các thẻ từ khoá dán lên bảng trong quá trình nói nhằm nhấn mạnh nội dung từ khoá.

– Thiết kế thành bài trình chiếu Powerpoint, chèn thêm hình ảnh, video clip, bài nhạc liên quan đến nội dung bài nói.

– Thực hành nói trước khi lên lớp, kiểm soát thời gian, tốc độ nói, học cách nhấn mạnh ở những từ khoá quan trọng và phối hợp phần nói với ngôn ngữ cơ thể (động tác tay, ánh mắt kết nối với người nghe, mỉm cười khi bắt đầu và kết thúc).

b. Trong vai trò người nghe:

Em lắng nghe, ghi chép và tóm tắt ngắn gọn nội dung bài thuyết trình tác phẩm văn học mà em yêu thích nhất dựa trên phiếu ghi chép nội dung thuyết trình: phân tích một tác phẩm văn học mà sách đã gợi ý trong phần đề *Nói và nghe*.

Để phản hồi, góp ý cho các bạn sau khi nghe, em sử dụng những lưu ý, hướng dẫn trong đáp án câu 1 bên trên.

Bài 8

CÁNH CỬA MỞ RA THẾ GIỚI (Văn bản thông tin)

BÀI TẬP

I. ĐỌC

1. Em hãy nêu điểm giống và khác nhau giữa văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên (đã học ở bài *Những bí ẩn của thế giới tự nhiên*, Ngữ văn 8, tập một) và văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách hoặc một bộ phim.
2. Có phải tất cả các văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách hoặc một bộ phim đều có sa-pô hay không? Mục đích của sa-pô trong văn bản là gì?
3. Tác dụng của việc sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ trong kiểu văn bản này là gì?
4. Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

CON CHIM XANH BIẾC BAY VỀ – CỔ TÍCH CHO NGƯỜI LỚN

Lê Hồng Lâm

Với tác phẩm mới, Nguyễn Nhật Ánh tiếp tục chinh phục bạn đọc bằng câu chuyện cổ tích. Dù cổ điển hay hiện đại, tình yêu trong truyện của Nguyễn Nhật Ánh vẫn sẽ chiến thắng.

1. “Con chim xanh biếc

Đậu hờ trên tay

Yêu anh đến thế

Mà thành mây bay...”.

Từ lâu, Nguyễn Nhật Ánh đã xác lập cho mình một vị trí không thể thay thế ở dòng văn chương dành cho tuổi mới lớn. Cảm xúc trong



Ảnh bìa cuốn sách “Con chim xanh biếc bay về”

trẻ, hồn hậu gắn liền với kí ức tuổi thơ ở một vùng quê nghèo miền Trung hay những cảm xúc mưa nắng thất thường của tuổi mới lớn đều được ông nắm bắt tài tình và thể hiện bằng một văn phong giản dị mà thấu hiểu trong truyện dài *Con chim xanh biếc bay về*.

Từ trường¹ của Nguyễn Nhật Ánh

2. Nguyễn Nhật Ánh được tạo hoá ban cho một cục nam châm “hút” độc giả. “Từ trường” của Nguyễn Nhật Ánh luôn tỏa ra qua các trang sách từ những năm 90 của thế kỉ trước cho đến ngày hôm nay, khiến cho độc giả của 30 năm trước hay của thời đại “mạng xã hội” hiện nay vẫn có thể tìm thấy những đồng điệu về cảm xúc hay tâm hồn khi đọc sách của ông. *Con chim xanh biếc bay về*, cuốn truyện dài mới nhất của Nguyễn Nhật Ánh, cũng là một tác phẩm như vậy.

3. Cái màu “xanh biếc” ở nhan đề của truyện tưởng như đã gặp ở đâu đó trong các tác phẩm trước đây của Nguyễn Nhật Ánh và luôn chứa đựng một nỗi buồn nào đó, như trong *Ngồi khóc trên cây* hay *Mắt biếc*. Có lẽ vì thế mà ta có linh cảm cuốn truyện mới này cũng mang đến nhiều nỗi buồn như thế.

4. Khác với hầu hết truyện dài trước đây khi xây dựng nhân vật chính là những đứa trẻ ở vùng quê nghèo hay những cô cậu học trò tuổi mới lớn, *Con chim xanh biếc bay về* có sự thay đổi đáng kể khi tập trung vào những thanh niên mới ra trường và đang chập vạt mưu sinh ở thành phố.

5. Phần đầu của truyện dài có tên là “Quán chợ” được kể bằng lời của một nhân vật trong truyện, nhân vật Khuê, sinh viên mới ra trường. Lời kể dẫn dắt người đọc bước vào hành trình lập nghiệp của những người trẻ ở Thành phố Hồ Chí Minh. Do chưa tìm được việc làm đúng nghề được đào tạo, Khuê làm việc ở một quán ăn cho ông chủ trẻ tên Sâm. Khuê là cô gái tính tình có vẻ bộc trực, ngẫu hứng, dễ tự ái, hay dỗi hờn, nhưng có tâm hồn đa cảm.

6. Trái ngược với Khuê là Sâm, ông chủ quán ăn, già hơn tuổi, gương mặt có phần khắc khổ, tính cách kĩ lưỡng, cầu toàn, ghét sự cầu thả và đôi khi hơi nguyên tắc. Tính nguyên tắc của Sâm thể hiện ở chuyện anh ta chỉ lấy hàng ở những mối quen thân thiết, dù đắt hơn hoặc nhất quyết bắt Khuê phải trả lại những món quà mà bạn hàng tặng dịp Tết. Điều đó làm nảy sinh không ít mâu

¹ Từ trường: vùng không gian trong đó một vật có từ tính (như nam châm) phát huy tác dụng. Ở ngữ cảnh câu này: “từ trường” chỉ sức hấp dẫn trong tác phẩm của Nguyễn Nhật Ánh.

thuần giữa ông chủ và người làm thuê mà Khuê là người trực tiếp chịu đựng. Nhưng giữa sự khác biệt đó, cả hai vẫn dành sự quan tâm cho nhau. Thậm chí, những tình cảm mơ hồ bộc phát hay sự ghen tuông khi Khuê phát hiện ra mình là kẻ thứ ba: “Trong bộ phim tình cảm được đạo diễn bởi bàn tay của thần may rủi đó, hoá ra tôi chỉ là một nhân vật phụ ngớ ngẩn, chết ngay ở cú vấp té đầu tiên ở cảnh đầu tiên” hoặc “Tôi tự thuyết phục rằng giữa tôi và Sâm không hề tồn tại cuộc tình nào, vì một cuộc tình thực sự thì không thể tạo ra từ một phía, cũng như một nụ hôn không thể được thực hiện chỉ bởi một người”.

7. Ngoài hai nhân vật có vẻ có nhiều duyên nợ mà xung khắc đó, ta còn gặp những nhân vật “đậm chất Nguyễn Nhật Ánh” khác, như Lương, một cô đồng nghiệp làm chung ở quán ăn, tính tình hài hước, yêu đời, thích triết lí, thích làm thơ: “Lẩn trong tình yêu một chút gì tính toán/ Lẩn trong vàng một sắc đồng pha/ Lẩn trong thủy chung một hạt mầm phản bội/ Trong trắng non người lẩn chút trắng tà”. Hay Tịnh, cô bạn cùng quê thuê chung phòng trọ với Khuê, dù xuất thân khá giả vẫn tự lập bằng chính năng lực của mình thay vì dựa dẫm vào bố mẹ. Đó còn là những chị Dần, cô Mười, chị Diệp, dì Hai Anh, dì Ba Được,... những tiểu thương ở chợ với sự chất phác, trọng tình nghĩa hay một đôi tình nhân lớn tuổi, bắt đầu mối tình của họ ở quán ăn, nơi Khuê, Lương làm việc.

8. Cho dù độ tuổi của các nhân vật hay bối cảnh câu chuyện có ít nhiều thay đổi, ta vẫn cảm nhận được “tử trường” của Nguyễn Nhật Ánh toả ra qua từng trang viết, qua cách ông khai thác tâm lí của nhân vật. Hoặc qua những câu văn mang đậm phong cách Nguyễn Nhật Ánh: “Bọn con trai là vậy, chuyên đi gây tội ác”, hay “Tình yêu đâu phải chiến tranh. Tôi chả thèm lên phương án tác chiến nữa, đành để tới đâu hay tới đó. Yêu mà giống vừa đi vừa dò mìn thì khổ quá, thà không yêu còn hơn”.

Những hoán chuyển của số phận, tình yêu

9. Nếu ở phần một, bối cảnh của *Con chim xanh biếc bay về* dù có nhiều thay đổi vẫn mang những chất liệu cảm xúc mà Nguyễn Nhật Ánh đã tạo dựng thành công thì sang phần hai, khi đổi vai kể cho nhân vật xưng “tôi” là Sâm, cuốn truyện dẫn dắt người đọc bước vào một câu chuyện nhiều đau buồn, mất mát mà ta dự cảm từ đầu qua từ khoá “xanh biếc” ở nhan đề truyện.

10. Sự thay đổi đột ngột của cách kể trong phần này khiến ta liên tưởng đến những cuốn truyện kiểu *Chàng trai đến từ hôm qua* với những tình cờ, ngẫu

nhân của số phận mà ta từng bắt gặp trong những truyện dài trước đây của Nguyễn Nhật Ánh. Nhưng trong sự tình cờ ngẫu nhiên đó, ta nhận ra những cảm xúc nhiều mất mát hơn là những kí ức hồn nhiên, trong trẻo trước đây.

11. Những kí ức tuổi thơ của Sâm dần dần hiện ra trong đám sương mờ, đưa người đọc bước vào một câu chuyện với quá nhiều buồn tủi, thậm chí đau thương về sự hoán chuyển của số phận do sự bất cẩn của con người khiến nhiều người thân của anh phải trả giá. Nói như Khuê, Sâm là “một đứa trẻ được sinh ra cho cuộc đời bất nạt”. Và chỉ khi đọc đến đây, ta mới hiểu rằng tại sao Sâm lại có những nguyên tắc sống đôi khi hơi cứng nhắc như vậy, đặc biệt là anh ghét sự cầu thả đến vậy: “Đâu phải sai lầm nào trên đời cũng có thể sửa chữa. Trong cuộc sống vẫn có những đồ vỡ, mất mát vô phương cứu vãn đó thôi”.

12. Trong phần cuối cùng của truyện dài này, hai nhân vật chính liên tục đổi vai kể cho nhau, dần dần khai mở hết bất ngờ này đến bất ngờ khác. Ở Khuê, những bất ngờ kiểu trên trời rơi xuống khiến cô thấy mình “giống như một sinh linh bị trù ếm, từ lúc nào đã biến thành một quả lắc bị cuộc sống tha hồ đưa qua đẩy lại – luôn cảm thấy chóng mặt giữa thực tế và tưởng tượng, giữa chân tình và ngộ nhận, giữa lòng quyết tâm và nỗi băn khoăn, giữa khoảnh khắc bình yên và những ngày dậy sóng”. Còn ở Sâm, bất ngờ đó lại là một sự trưởng thành và vị tha mà anh đón nhận từ đầu: “Con người ta tới một lúc nào đó cũng phải trưởng thành. Tất nhiên tùy vào hoàn cảnh mà có người trưởng thành một cách hồn nhiên, có người chấp nhận rớm máu để lớn lên – như qua một ca phẫu thuật hiểm nghèo”.

13. Trong cuốn truyện dài về những hoán chuyển lạ lùng của số phận hay tình yêu này, Nguyễn Nhật Ánh khai thác một đề tài tưởng như rất cũ, thậm chí lạc hậu, lỗi thời như chuyện “cha mẹ đặt đâu con ngồi đó”, chuyện “coi mắt”, “mai mối”,... nhưng với cách kể chuyện đậm màu cổ tích hiện đại của mình, chúng lại trở nên hợp lí vô cùng. Thế mới biết không phải là đề tài gì, mà cách khai thác đề tài đó như thế nào mới là điều đáng nói.

14. Bố cục chặt chẽ với ba phần, liên tục thay đổi, hoán chuyển người kể chuyện và góc nhìn của người kể chuyện; ở phần cuối, hai góc nhìn đó lại xen kẽ nhau, giúp người đọc soi chiếu được nội tâm của hai nhân vật chính và hoá giải những hiểu lầm giữa họ.

15. Cách viết này giống như cách người ta bóc một củ hành và chỉ đến khi bóc đến lớp trong cùng, chúng ta mới hiểu được tại sao họ có những tính cách hay hành động như vậy. Phong cách này cũng giống như một bộ phim trinh thám về tình yêu với những cú “twist” (đảo chiều) chóng mặt ở đoạn kết khiến độc giả đi từ bất ngờ này đến bất ngờ khác. Có lẽ dù biết bị tác giả “đắt mũi”, tôi tin rằng những độc giả của ông vẫn hào hứng chấp nhận với cái kết quá đổi ngọt ngào.

16. Với *Con chim xanh biếc bay về*, Nguyễn Nhật Ánh tiếp tục chinh phục chúng ta bằng một câu chuyện cổ tích thời hiện đại. Chuyện cổ tích đó vẫn còn tiếp diễn, sau khi những nhân vật như Sâm, như Khuê, như Quyên,... sửa sai và đứng lên bước tiếp sau những mất mát, hiểu lầm mà họ phải trả giá, cho dù đó là những lỗi lầm không phải do chính họ gây ra.

17. Cuối cùng, giống như những câu chuyện cổ tích (dành cho người lớn) khác, dù cổ điển hay hiện đại, tình yêu trong truyện dài của Nguyễn Nhật Ánh vẫn sẽ chiến thắng: “Trái tim trong lồng ngực mỗi người giống như chiếc đồng hồ đồng đánh, thỉnh thoảng tỏ ra một mối biếng lười, nhưng bạn yên tâm đi, rồi nó sẽ tích tắc chạy lại một khi thần tình yêu đã lên dây”.

12/11/2020

(Theo “*Con chim xanh biếc bay về*” – cổ tích cho người lớn,
<https://zingnews.vn>, ngày 20/12/2022)

- Vẽ sơ đồ cấu trúc của văn bản và tóm tắt nội dung từng phần (làm vào vở).
- Xác định thông tin cơ bản, thông tin chi tiết và vẽ sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa các chi tiết và thông tin cơ bản của văn bản trên.
- Tác giả viết văn bản này nhằm mục đích gì?
- Quan sát kĩ hình bìa sách và trả lời câu hỏi: Tác dụng của việc sử dụng hình ảnh bìa sách trong văn bản này là gì?
- Đọc lại nội dung văn bản, đối chiếu với nhan đề của văn bản và trả lời câu hỏi: Nhan đề “*Con chim xanh biếc bay về*” – cổ tích cho người lớn có thể hiện được nội dung bài viết hay không? Dựa trên cơ sở nào để khẳng định như vậy?

II. TIẾNG VIỆT

1. Xác định thành phần biệt lập trong các trường hợp sau và cho biết chức năng của chúng:

a. *“Con chim xanh biếc bay về”, cuốn truyện dài mới nhất của Nguyễn Nhật Ánh, cũng là một tác phẩm như vậy.*

(Lê Hồng Lâm, “Con chim xanh biếc bay về” – cổ tích cho người lớn)

b. *Quả nhiên, con kiến càng đã xâu được sợi chỉ xuyên qua đường ruột ốc hộ cho nhà vua trước con mắt thần phục của sứ giả nước láng giềng.*

(Truyện dân gian Việt Nam, Em bé thông minh)

c. *Gió mùa thu hào phóng đem chia hương mùa thu – bây giờ là hương ổi chín – tới khắp nơi trong vũ trụ. Tại một vùng quê nhỏ, trong một giây phút nào đó, người viết chợt bắt gặp hương thu và bỗng dừng sừng.*

(Vũ Nho, Thiên nhiên và hồn người lúc sang thu)

d. *Chao ôi, đã bao nhiêu lần anh em tôi đứng trên bờ đầm ngắm nhìn không mỏi mắt bộ cánh rất đẹp của nó.*

(Đỗ Chu, Bông chanh đỏ)

đ. *Thiếu phụ bước ra thêm và bảo bác vẽ phiên muộn:*

– *Thưa ông Phi-líp, ông đến lúc đêm hôm thế này quả thực không phải lắm.*

(Guy đơ Mô-pát-xăng, Bức của Xi-mông)

2. Tìm thành phần tình thái trong các câu sau và chỉ ra ý nghĩa của thành phần ấy trong từng trường hợp:

a. *Đêm tối, tôi không nhận ra được màu lông của nó, chỉ thấy nó nằm im thín thít trong lòng bàn tay tôi. Đường như nó quá hoảng sợ vì biết mình đã bị bắt cóc.*

(Đỗ Chu, Bông chanh đỏ)

b. – *Xa-vu-skin a, cảm ơn em đã đưa cô đi dạo chơi. Tất nhiên là em vẫn có thể cứ đi con đường này.*

– *Em cảm ơn cô, cô An-na Va-xi-li-ép-na!...*

(lu-ri Na-ghi-bin, Cây sồi mùa đông)

- c. *Đế Choắt là tên tôi đặt cho nó một cách chế giễu và trịch thượng thế. Choắt nó có lẽ cũng trạc tuổi tôi.*

(Tô Hoài, *Đế Mèn phiêu lưu ký*)

- d. *Không khí quả là quý giá với người da đỏ, bởi lẽ bầu không khí này là của chung, muông thú, cây cối và con người cùng nhau hít thở. Người da trắng cũng cùng chia sẻ, hít thở bầu không khí đó. Nhưng hình như, người da trắng chẳng để ý gì đến nó.*

(Xi-át-tô, *Bức thư của thủ lĩnh da đỏ*)

3. Xác định thành phần cảm thán và chỉ ra ý nghĩa của thành phần ấy trong từng trường hợp dưới đây:

- a. *Chao ôi, có biết đâu rằng: hung hăng, hống hách lão chỉ tổ đem thân mà trả nợ những cử chỉ ngu dại của mình thôi. Tôi đã phải trải cảnh như thế. Thoát nạn rồi, mà còn ân hận quá, ân hận mãi.*

(Tô Hoài, *Đế Mèn phiêu lưu ký*)

- b. – *Nhà bác? Chiếc bình này à? – Khách giật mình. – Ôi, tôi sợ các thứ bình, lọ thùng, hộp ấy lắm.*

Hai sợi râu khách run run. Đã mấy lần bị bọn trẻ bắt cóc làm đồ chơi, ông bị ám ảnh bởi những cái nhà giam tăm tối, chật hẹp, khó thở kiểu đó.

(Trần Đức Tiến, *Giọt sương đêm*)

- c. *Lòng rộn ràng vui thích, An-na Va-xi-li-ép-na mãi mê quan sát đời sống bí mật của rừng, trước nay cô chưa từng biết đến cuộc sống như thế, bỗng nhiên cô chợt nghe thấy tiếng kêu lo lắng của Xa-vu-skin:*

– Chết thôi, cô sẽ không gặp được mẹ em nữa rồi!

An-na Va-xi-li-ép-na vội đưa đồng hồ lên sát tận mắt. Ba giờ mười lăm.

(lu-ri Na-ghi-bin, *Cây sỏi mùa đông*)

- d. *Ông Guốc-đanh: (nhìn áo của bác phó may) – Ô kìa, bác phó! Vải này là thứ hàng tôi đưa bác may bộ lễ phục trước của tôi đây mà. Tôi nhận ra đúng nó rồi.*

Phó may: – Chẳng là thứ hàng đẹp quá nên tôi đã gạn lại một cái để mặc.

(Mô-li-e, *Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục*)

III. VIẾT

1. Nêu tác dụng của bốn bước trong quy trình viết.
2. Chọn và thực hiện một trong hai đề bài sau:
Đề 1: Viết một bài văn giới thiệu một cuốn sách mà em yêu thích.
Đề 2: Viết một bài văn giới thiệu một bộ phim mà em yêu thích.

IV. NÓI VÀ NGHE

1. Tác dụng của việc lập dàn ý trước khi trình bày bài giới thiệu sách là gì?
2. Nêu tác dụng của việc sử dụng bảng kiểm.
3. Thực hiện đề bài sau:

Đề bài: Em hãy giới thiệu một cuốn sách hoặc một bộ phim với các bạn trong *Câu lạc bộ đọc sách* hoặc *Câu lạc bộ những người yêu phim*.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI TẬP

I. ĐỌC

1. Để hoàn thành bài tập này, em hãy đọc lại phần viết về *văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên* trong mục *Tri thức Ngữ văn* (bài *Những bí ẩn của thế giới tự nhiên*, Ngữ văn 8, tập một) và phần viết về *văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách hoặc một bộ phim* trong mục *Tri thức Ngữ văn* (bài *Cánh cửa mở ra thế giới*, Ngữ văn 8, tập hai), sau đó, rút ra những điểm giống và khác nhau giữa hai thể loại này. *Gợi ý trả lời:*

a. Giống:

- Đều thuộc loại văn bản thông tin.
- Kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ.
- Có thể có sa-pô hoặc không có sa-pô.

b. Khác:

Văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên:

- Mục đích: giải thích một hiện tượng tự nhiên.

– Cấu trúc:

+ Phần mở đầu: giới thiệu khái quát về quá trình xảy ra hiện tượng tự nhiên.

+ Phần nội dung: giải thích nguyên nhân và cách thức diễn ra hiện tượng.

+ Phần kết thúc (không bắt buộc): trình bày sự việc cuối của hiện tượng hoặc tóm tắt nội dung giải thích.

Văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách hoặc một bộ phim:

– Mục đích: giới thiệu, khuyến khích mọi người đọc cuốn sách hoặc xem bộ phim.

– Cấu trúc:

+ Phần 1: nêu một số thông tin về cuốn sách/ bộ phim (tên tác phẩm, tên tác giả hoặc đạo diễn, diễn viên, người quay phim,...) và trình bày ấn tượng hoặc nêu nhận xét khái quát của người viết đối với cuốn sách/ bộ phim.

+ Phần 2: tóm tắt ngắn gọn nội dung cuốn sách/ bộ phim và trình bày nhận xét, đánh giá của người viết về giá trị của cuốn sách/ bộ phim.

+ Phần 3: khẳng định giá trị của cuốn sách/ bộ phim và đề xuất/ khuyến khích mọi người nên đọc/ xem.

2. Hãy nhớ lại những gì em đã học trong mục *Tri thức Ngữ văn* và trả lời câu hỏi. *Gợi ý trả lời:*

– Không phải văn bản nào cũng có sa-pô.

– Mục đích của sa-pô là trình bày tóm tắt nội dung bài viết và thu hút sự chú ý của người đọc.

3. Xem kĩ hình ảnh bìa sách trong bài giới thiệu và trả lời câu hỏi bằng cách hình dung nếu bài giới thiệu sách không có hình ảnh cuốn sách thì tác động của bài giới thiệu đến người đọc sẽ thế nào.

Gợi ý trả lời: Tác dụng của việc sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ trong kiểu văn bản này là truyền tải thông tin về tác phẩm được giới thiệu một cách sinh động, hấp dẫn người đọc.

4. a. Em tự vẽ sơ đồ cấu trúc của văn bản dựa trên gợi ý tóm tắt nội dung từng phần như sau:

- Sa-pô: giới thiệu tóm tắt nội dung bài viết.
- Phần 1 (đoạn 1): cung cấp thông tin và nêu nhận xét khái quát về tác phẩm.
- Phần 2 (đoạn 2 đến đoạn 15): tóm tắt nội dung kết hợp với việc đánh giá nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.
- Phần 3 (đoạn 16 đến đoạn 17): khẳng định ý nghĩa của tác phẩm.

b. Gợi ý trả lời:

Em tự vẽ sơ đồ dựa trên các gợi ý sau:

– Nội dung chính của văn bản: tóm tắt nội dung và trình bày đánh giá của người viết về cuốn sách *Con chim xanh biếc bay về*.

– Thể hiện qua các chi tiết:

+ Chi tiết về đánh giá của người viết với nội dung cuốn sách: tình yêu trong truyện của Nguyễn Nhật Ánh vẫn sẽ chiến thắng (sa-pô).

+ Chi tiết về thông tin nội dung của cuốn sách: tên sách, tên tác giả, ấn tượng chung về cuốn sách (đoạn 1).

+ Các chi tiết tiêu biểu về nội dung của cuốn sách (đoạn 2 đến đoạn 13), hình ảnh minh họa cho bìa sách.

+ Chi tiết đánh giá về nghệ thuật của cuốn sách (đoạn 14 – đoạn 15).

+ Chi tiết khẳng định khả năng chinh phục người đọc của cuốn sách (đoạn 16 – đoạn 17).

c. Gợi ý trả lời: Mục đích của tác giả khi viết văn bản này là giới thiệu cuốn sách và nêu những nhận xét của bản thân khi đọc cuốn sách.

d. Gợi ý trả lời: Tác dụng của việc sử dụng hình ảnh bìa sách là tăng tính trực quan cho bài giới thiệu sách.

đ. Gợi ý trả lời: Nhan đề đã thể hiện nội dung bài viết, đồng thời là cảm nhận của người viết về cuốn sách. Bằng chứng là: trong bài viết, nhiều lần tác giả dùng từ “cốt tích” để nhấn mạnh đây là câu chuyện tình yêu đẹp, buồn nhưng kết thúc có hậu.

II. TIẾNG VIỆT

1. Gọi ý trả lời:

a. Thành phần phụ chú: *cuốn truyện dài mới nhất của Nguyễn Nhật Ánh.*

Chức năng: bổ sung thông tin cho “*Con chim xanh biếc bay về*”.

b. Thành phần tình thái: *Quả nhiên.*

Chức năng: biểu thị ý khẳng định sự việc được đề cập đến trong câu diễn ra đúng như đã đoán biết trước.

c. Thành phần phụ chú: *bây giờ là hương ổi chín.*

Chức năng: bổ sung thông tin cho “*hương mùa thu*”.

d. Thành phần cảm thán: *Chao ôi.*

Chức năng: bộc lộ sự xúc động mạnh của người nói về sự việc được đề cập đến trong câu.

đ. Thành phần gọi – đáp: *Thưa ông Phi-líp.*

Chức năng: Thiếu phụ dùng để gọi ông Phi-líp, để mở đầu cuộc đối thoại.

2. Thành phần tình thái và chỉ ra ý nghĩa của thành phần ấy trong các trường hợp:

a. Thành phần tình thái: *Dường như.*

Chức năng: biểu thị ý phỏng đoán hoặc khẳng định một cách dè dặt về điều nghĩ rằng có thể là như thế, chủ yếu là dựa trên những gì trực tiếp cảm nhận được.

b. Thành phần tình thái: *Tất nhiên là.*

Chức năng: biểu thị ý khẳng định sự việc hẳn là có thể diễn ra như thế.

c. Thành phần tình thái: *có lẽ.*

Chức năng: biểu thị ý phỏng đoán hoặc khẳng định một cách dè dặt về điều nghĩ rằng có thể là như thế, thể hiện mức độ tin thấp về sự việc được đề cập đến trong câu.

d. Thành phần tình thái: *hình như.*

Chức năng: biểu thị ý phỏng đoán hoặc khẳng định một cách dè dặt về điều nghĩ rằng có thể là như thế, chủ yếu là dựa trên những gì trực tiếp cảm nhận được.

3. Xác định thành phần cảm thán trong những trường hợp đã cho và chỉ ra ý nghĩa của thành phần ấy trong từng trường hợp:

a. Thành phần cảm thán: *Chao ôi*.

Chức năng: bộc lộ sự xúc động mạnh của người nói về sự việc được đề cập đến trong câu.

b. Thành phần cảm thán: *Ôi*.

Chức năng: bộc lộ nỗi sợ hãi tốt độ của “ông khách” đối với các thứ bình, lọ thùng, hộp.

c. Thành phần cảm thán: *Chết thôi*.

Chức năng: bộc lộ sự hốt hoảng, lo lắng của nhân vật Xa-vu-skin về việc họ đã trễ giờ và không thể gặp được mẹ của Xa-vu-skin nữa.

d. Thành phần cảm thán: *Ô kìa*.

Chức năng: bộc lộ sự ngạc nhiên của nhân vật ông Giuốc-đanh trước sự việc được đề cập đến trong đoạn thoại.

IV. VIẾT

1. Xem lại bốn bước của quy trình viết và rút ra tác dụng của từng bước.

Gợi ý trả lời:

– **Bước 1: chuẩn bị trước khi viết.**

Tác dụng: giúp xác định rõ yêu cầu của đề bài, người đọc, thu thập đầy đủ thông tin cho bài viết.

– **Bước 2: tìm ý, lập dàn ý.**

Tác dụng: giúp xác định đủ ý cho bài viết, sắp xếp các ý theo trình tự phù hợp.

– **Bước 3: viết bài.**

Tác dụng: thể hiện các ý thành bài văn.

– **Bước 4: xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.**

Tác dụng: chỉnh sửa, làm cho bài viết hoàn chỉnh và rút kinh nghiệm cho bài viết sau.

2. Hướng dẫn thực hiện bài viết. Em hãy chọn một trong hai đề đã cho và tiến hành thực hiện theo quy trình viết bốn bước.

Bước 1. Chuẩn bị trước khi viết

Xác định đề tài, người đọc, mục đích viết

Đề tài ở đây là một bộ phim hoặc cuốn sách mà em yêu thích. Khi chọn cuốn sách hoặc bộ phim để giới thiệu, em cần lưu ý những điểm sau:

– Xác định rõ người nghe là các bạn cùng lứa tuổi để lựa chọn bộ phim hoặc cuốn sách có nội dung lành mạnh, hấp dẫn, phù hợp với đối tượng học sinh trung học cơ sở.

– Chọn cuốn sách hoặc bộ phim có dung lượng vừa phải, được xuất bản hoặc phát hành bởi các nhà xuất bản hoặc nhà phát hành phim uy tín.

– Tiếp theo, hãy đọc cuốn sách hoặc xem bộ phim đã chọn vài lần để nắm chắc nội dung.

Bước 2. Tìm ý và lập dàn ý

Em có thể dựa vào phiếu sau để tìm ý tưởng cho bài viết:

Phiếu tìm ý cho bài giới thiệu một cuốn sách/ bộ phim

Tên sách/ tên bộ phim:

Tên tác giả cuốn sách /tên đạo diễn bộ phim:

Tên nhà xuất bản/tên công ti sản xuất phim:

Tóm tắt nội dung, chủ đề và thông điệp của cuốn sách/ bộ phim:

Phần 1/ Chương 1:

Phần 2/ Chương 2:

Ấn tượng hoặc cảm xúc sâu đậm của em về cuốn sách/ bộ phim:

.....

Nét đặc sắc và hạn chế (nếu có) về nội dung, nghệ thuật của cuốn sách/ bộ phim:

Sau đó, em hãy điền vào sơ đồ sau để lập dàn ý cho bài viết (làm vào vở):

Phần một

Tên sách/ tên bộ phim, tên tác giả/ đạo diễn:

Cảm nhận hoặc ấn tượng nổi bật về cuốn sách:

Phần hai

Cuốn sách/ bộ phim này gồm ... phần

Nội dung kể về

Đặc sắc nội dung và nghệ thuật của cuốn sách/ bộ phim (về cách kể chuyện, sắp xếp các chi tiết, sự kiện/ cảnh quay, diễn xuất của diễn viên,...)

Phần ba

Giá trị nổi bật của cuốn sách/ bộ phim là:

Bạn sẽ tìm thấy/ cảm thấy khi đọc cuốn sách/ bộ phim này.

Bước 3. Viết bài

Dựa trên dàn ý, em tiến hành viết bài. Trước khi viết, em hãy đọc kĩ *Bảng kiểm kĩ năng viết bài giới thiệu một cuốn sách/ bộ phim* trong sách giáo khoa để hiểu rõ yêu cầu đối với kiểu bài.

Trong khi viết, em hãy thường xuyên đọc lại những phần đã viết, đối chiếu với bảng kiểm để bài viết đáp ứng đầy đủ yêu cầu đối với kiểu bài.

Bước 4. Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm

Sau khi viết, em hãy tưởng tượng mình là người đọc bài giới thiệu này và trả lời các câu hỏi sau:

1. Bài viết có thôi thúc tôi tìm đọc cuốn sách/ bộ phim được giới thiệu hay không?

2. Bài giới thiệu này nên điều chỉnh điều gì để hấp dẫn hơn?

IV. NÓI VÀ NGHE

1. Để trả lời câu hỏi này, em hãy tự hỏi: nếu không lập dàn ý thì bài nói sẽ như thế nào.

Gợi ý trả lời: Lập dàn ý trước khi nói giúp xác định đủ, đúng nội dung cần nói và đúng trình tự các ý cần nói.

2. Nhớ lại tác dụng của những lần em sử dụng bảng kiểm, từ đó, suy luận câu trả lời.

Gợi ý trả lời: Tác dụng của việc sử dụng bảng kiểm là giúp tự kiểm soát bài giới thiệu của bản thân, giúp góp ý cho bài nói của bạn hiệu quả hơn.

3. Em đã hoàn thành bài viết: giới thiệu một cuốn sách hoặc một bộ phim, hãy chuyển bài viết thành bài nói theo những hướng dẫn dưới đây:

Bước 1. Xác định mục đích nói, đối tượng người nghe

– Đề bài đã xác định rõ đối tượng người nghe: các bạn trong *Câu lạc bộ đọc sách* hoặc *Câu lạc bộ những người yêu phim*.

– Mục đích nói: giới thiệu với người nghe về cuốn sách hoặc bộ phim mà em yêu thích, chia sẻ với họ những điều em tâm đắc về cuốn sách/ bộ phim, từ đó khuyến khích họ chủ động tìm đọc sách hoặc xem phim.

Bước 2. Tìm ý và lập dàn ý

Em có thể sử dụng lại sơ đồ dàn ý của bài đã viết. Tuy nhiên, đây là bài nói nên em cần:

– Bổ sung lời chào hỏi người nghe, lời kết thúc bài giới thiệu.

– Chuẩn bị hình ảnh từ cuốn sách hoặc bộ phim, ví dụ: ảnh bìa sách, ảnh minh hoạ của trang sách/ pô-tơ-xơ-tơ của bộ phim, ảnh diễn viên chính, ảnh đạo diễn bộ phim,...

– Chọn lọc một số câu văn, lời thoại giữa các nhân vật, chi tiết, đoạn nhạc (trong bộ phim) để tăng sức thuyết phục của bài giới thiệu.

Bước 3. Luyện tập và trình bày

Khi luyện tập và trình bày, em nên đối chiếu dàn ý bài nói với *Bảng kiểm kỹ năng giới thiệu một cuốn sách/ bộ phim* trong sách giáo khoa để đảm bảo bài nói đáp ứng yêu cầu của kiểu bài.

Trong quá trình trình bày, em hãy tự quay video clip bài giới thiệu sách của mình để gửi cho các bạn trong *Câu lạc bộ đọc sách* hoặc *Câu lạc bộ những người yêu phim*.

Bước 4. Trao đổi, đánh giá

Trong bước này, em hãy gửi video clip cho các bạn trong *Câu lạc bộ đọc sách* hoặc *Câu lạc bộ những người yêu phim* kèm theo việc đề nghị các bạn góp ý cho video clip của em với những nội dung sau:

PHIẾU GÓP Ý VỀ VIDEO CLIP GIỚI THIỆU CUỐN SÁCH/ BỘ PHIM

Tên video clip:

Tên người góp ý:

Nội dung góp ý:

1. Nêu ba điều thú vị từ video clip:

2. Nêu hai điều nên điều chỉnh để video clip hay hơn, thú vị hơn:

Chân trời sáng tạo

Bài 9

ÂM VANG CỦA LỊCH SỬ

(Truyện lịch sử)

BÀI TẬP

I. ĐỌC

1. Nét tính cách nổi bật của nhân vật Vua Quang Trung được thể hiện trong văn bản trích *Hoàng Lê nhất thống chí* (Ngữ văn 8, tập hai) là gì? Phân tích một số chi tiết tiêu biểu để làm nổi bật nét tính cách ấy.
2. So sánh thái độ, tình cảm của tác giả khi viết về Vua Quang Trung – nghĩa quân Tây Sơn và về anh em Trịnh Tông – đám kiêu binh, Lê Chiêu Thống, Tôn Sĩ Nghị, đội quân xâm lược nhà Thanh trong văn bản trích *Hoàng Lê nhất thống chí* (Ngữ văn 8, tập hai). Theo em, cách thể hiện thái độ như vậy có phù hợp với truyện lịch sử hay không? Vì sao?
3. So sánh cốt truyện trong văn bản trích *Hoàng Lê nhất thống chí* (Ngữ văn 8, tập hai) với cốt truyện trong một văn bản truyện mà em đã đọc, chỉ ra điểm khác biệt và điểm tương đồng (nếu có) giữa cốt truyện đa tuyến với cốt truyện đơn tuyến.
4. Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

LÁ CỜ THÊU SÁU CHỮ VÀNG

Nguyễn Huy Tưởng

(Chương XVIII¹)

1. Nguyên soái Toa Đô vượt Châu Ô, Châu Lý, Châu Hoan, Châu Ái kéo ra. Chiến thuyền nhiều tựa lá tre tiến vào cửa bể Thiên Trường. Cờ mở, trống gióng, bề ngoài thật là hùng hù hỏ hỏ. Nhưng bên trong thì tử tướng đến quân, tất thấy đều mệt mỏi. Lại gặp tiết trời nóng nực, sơn lam chướng khí bốc lên, trong quân Toa Đô số người đau ốm, chết chóc ngày một nhiều. Dọc đường, lương thực cướp được ở Chiêm Thành dần dần cạn. Đến Thiên Trường, Toa Đô phải cho quân sĩ đổ bộ vào các làng xóm, cướp thóc gạo,

¹ *Lá cờ thêu sáu chữ vàng* gồm 18 chương. Đây là phần văn bản thuộc Chương XVIII, cũng là chương kết thúc tác phẩm.

trâu bò, gà què. Nhưng người dân ở bờ biển và hai bên ven sông đã lánh thật xa. Quân Nguyên cướp không được, tình cảnh càng khốn đốn. Toa Đô thấy cần phải đi gấp lên Thăng Long để hợp quân với Thoát Hoan. Bèn cho quân tuần tiễu đi dò đường thủy. Quân tuần tiễu trở về báo: hai bên làng mạc quanh hieu, không có một bóng người...

Toa Đô mừng rỡ nói với các tướng:

– Vua tôi nhà Trần đã chạy như vịt vào Thanh Hoá, nghe uy danh ta là đã mất mật rồi, còn đứa nào dám lộ đầu ra mà chặn đường ta nữa?

Chiến thuyền của Toa Đô từ cửa bể kéo vào sông, nối đuôi nhau, dài hàng mấy dặm, dàn ra chật cả khúc sông. Những cột buồm đen như rừng rậm. Những cánh buồm làm tối sầm mặt nước. Đêm thì đèn đuốc sáng trưng như phố, như phường. Ngày thì cờ quạt rợp trời, người đứng từ mấy dặm xa cũng đều trông thấy. Chiêng trống khua ầm ầm như sấm, sét trong cơn mưa. Đoàn chiến thuyền ngược dòng sông lớn, đi sâu vào nội địa, giữa một cảnh tượng im lìm như chết. Hai bên sông, toàn là những làng mạc trống không, đồng khô cỏ cháy. Buổi sáng hôm ấy, đoàn chiến thuyền tới một khúc sông rộng. Toa Đô hỏi một viên hàng tướng:

– Đây là đâu?

Tên ấy thưa:

– Đây sắp đến Hàm Tử Quan.

– Từ đây lên tới Thăng Long còn bao lâu nữa?

– Bẩm nguyên soái, ta đi nhanh như thế này, lại đi suốt ngày đêm thì cùng lắm là sáng ngày kia tới.

Toa Đô mừng lắm, truyền lệnh đi gấp, đến Thăng Long sẽ nghỉ. Đoàn chiến thuyền rầm rộ ngược dòng, buồm căng kín sông, dòng nước sông ứ lại.

2. Bỗng một tiếng nổ vang, chấn động cả một vùng. Những đàn chim trên các cây đa, cây gạo, những đàn cò dưới ruộng lầy bay loạn xạ lên trời. Quân Toa Đô còn đang ngơ ngác, thì một tiếng nổ thứ hai vang dậy, rồi lại một tiếng nổ thứ ba. Toa Đô vội vàng trèo lên viễn vọng lâu, đưa mắt nhìn về phía trước. Từ trên thượng lưu, một đoàn thuyền nhỏ vun vút lao xuống, nhanh như tên bắn. Toa Đô chưa kịp truyền lệnh cho tướng sĩ nghênh chiến thì đoàn thuyền kia đã ập tới. Trên mũi thuyền đi đầu, phát phới bay một lá cờ thêu sáu chữ vàng:

PHÁ CƯỜNG ĐỊCH BẢO HOÀNG ÂN. Đứng sau lá cờ là một viên tướng áo bào đỏ rực, tướng ấy là một tướng trẻ ranh. Đứng bên đưa trẻ là một lão già ốm đói. Cả đoàn thuyền chỉ gồm bốn năm chục chiếc, dàn hàng ngang trên mặt sông, định chặn đoàn chiến thuyền đang dè sóng dữ hùng dũng tiến lên.

Viên tướng trẻ đứng sau lá cờ sáu chữ hét to:

– Tao chờ chúng mày ở đây lâu lắm rồi!

Quân Nguyên chưa kịp dàn trận thì một loạt tên ào ào bắn sang. Đưa ôm bụng, đưa ôm mặt, đưa nhào xuống nước. Viên tướng tiên phong của Toa Đô vùng gươm hô quân tiếp chiến. Chúng còn đang lúng túng thì thuyền của Hoài Văn đã lướt tới gần, một mũi dao nhọn ném sang [...]. Hàng chiến thuyền đầu lùi lại. Nổi lên những tiếng hét, tiếng hô, lẫn với những tiếng rên la của bọn lính Nguyên đang cơn sốt rét.

Hoài Văn quát to:

– Tao không thèm giết chúng mày là những đứa vô danh tiểu tốt. Gọi thằng Toa Đô ra đây cho tao hỏi tội.

Toa Đô đứng ùng ùng nổi giận, quát tháo âm ỉ:

– Mấy thằng nhãi con, vài cái thuyền nát, quân tướng nhà Trần thế kia, chúng mày đã không biết nhục còn vác mặt ra đây mua lấy cái chết hay sao?

Chiến thuyền của Toa Đô không trông thành nghiêm ngắc dè sóng tiến lên. Cánh buồm gấm như lá cờ đại, dài như phướn, vẽ những hình quái đản như bùa mê. Toa Đô đứng giữa mũi thuyền, hai bên là một lũ tướng hậu vệ, kiếm kích sáng loè. Đứa nào cũng áo lông, mũ dạ, trông mà phát sốt người lên. Chúng thở hổn hển, trán vã mồ hôi. Hoài Văn nghĩ bụng: “Chốc nữa nắng lên, chúng mày còn chết, ông bảo trước”.

Hoài Văn truyền lệnh cho quân sĩ:

– Thằng Toa Đô đấy. Bắn cho nó một loạt phủ đầu!

Sáu trăm gã hào kiệt dạ ầm ầm. Hàng trăm mũi tên bay sang, chĩa thẳng vào Toa Đô. Lũ tướng hộ vệ giơ mộc lên đỡ, tên rơi lả tả xuống nước. Toa Đô đứng sừng sững trên mũi thuyền. Mặt Toa Đô to như một cái thớt, nước da đỏ kệt như gạch nung. Gò má cao, nhô ra ngang với mang tai. Mắt dài, sắc như lưỡi mác. Đầu Toa Đô đội một mũ sắt, đỉnh mũ uốn như cuốn thư. Một tay đeo mộc, một tay mang một chủy sắt, cán dài gấp đôi cây giáo của Hoài Văn.

Quả chùy hình đầu sư tử, tua tua những đinh sắt như bàn chông. Quả chùy nặng hàng trăm cân ấy, Toa Đô cầm nhẹ nhàng, như người ta cầm một cái gậy tre. Viên thượng tướng nhà Nguyên uy phong lẫm liệt, nhúu đôi lông mày rậm như chổi sể, găm lên như sấm:

– Thằng nhãi kia, muồn vuốt râu hùm! Tao thương mày còn trẻ, nhưng mày giết tướng tiên phong của tao, tao phải xé xác mày như xé xác con dê, con cừu!

Chiến thuyền của Toa Đô đã sẵn tới gần thuyền Hoài Văn làm cho cái thuyền nhỏ tròn trành. Trời đất bỗng tối sầm. Quả chùy giáng xuống đầu Hoài Văn như sét đánh. Hoài Văn múa giáo, gạt được quả chùy, nhưng đầu Hoài Văn choáng váng, hai chân loạng choạng, và cả cái thuyền suýt nữa lật nhào. Người tướng già vừa cho thuyền quay mũi lùi xa, thì quả chùy thứ hai bổ xuống. Toa Đô đứng hiên ngang trên mũi thuyền, phất cờ cho đoàn thuyền đi sau tiến lên đuổi đánh Hoài Văn Hầu. Toa Đô cười khanh khách:

– Đúng là điềm mất nước của họ Trần. Chúng nó không còn người, nên phải dùng đến một thằng oắt con và một thằng già sắp chết!

Hoài Văn vuốt mồ hôi trán. Nhìn cán giáo của mình cong lại, Hoài Văn nói:

– Nó khoẻ thật, nhưng chẳng đáng sợ. Chốc nữa nó sẽ biết tay ta.

Đoàn thuyền của Quốc Toản chạy như gió. Chiến thuyền của Toa Đô hùng hổ đuổi theo. Tiếng hò át cả tiếng sóng vỗ ầm ầm. Toa Đô đuổi nhanh thì Hoài Văn cũng chạy nhanh. Toa Đô đi chậm lại thì Hoài Văn cũng cho chèo thuyền dừng đứng, và khua chiêng đánh trống ầm ỹ. Thỉnh thoảng lại bắn tên sang giết vài mươi tên giặc. Nắng đã chang chang. Khí trời mỗi lúc một oi ả, khó thở. Toa Đô nóng đến điên người, bưng bưng nổi giận. Hoài Văn thấy hàng ngũ quân Nguyên rối loạn. Chúng tranh nhau uống nước. Nhiều đứa cởi cả quần áo, khoả tay chân xuống nước. Những mái chèo đã kém bẻ nhanh nhẹn. Toa Đô đuổi Hoài Văn được hơn một dặm đường, thì bỗng có một tiếng pháo lệnh nổ vang. Đoàn quân của viên tướng trẻ quay mũi lại, hiên ngang chờ quân Nguyên. Lá cờ PHÁ CUỒNG DỊCH BẢO HOÀNG ÂN tung bay ngạo nghễ trên mũi thuyền, như chọc vào mắt Toa Đô đã nhừ vì ánh sáng chói loà của mặt trời, lại cay xót vì mồ hôi chảy tứa. Từ trên thượng lưu, một đoàn chiến thuyền lớn rầm rộ kéo xuống. Chiêng trống vang trời dậy đất. Giữa một rừng cờ rực rỡ, nổi lên cao cao một lá cờ dựng trên một

chiến thuyền chỉ huy. Lá cờ để lộ bốn chữ: “Chiêu Văn Vương Trần”. Đoàn chiến thuyền lớn ấy đã hợp với đoàn thuyền của Toa Đô. Chỉ trong nháy mắt, chiến thuyền của hai bên đã lẫn vào nhau. Gươm giáo va nhau chan chát, toé lên những luồng chớp lửa, làm chói chang thêm ánh nắng hè gay gắt. Tiếng kêu “Sát Thát” vang vang.

Mũi thuyền của Hoài Văn Hầu đã kề vào mũi chiến thuyền của Toa Đô. Hoài Văn hét lớn:

– Toa Đô! Bây giờ thì tao hoá kiếp cho mày!

Cầm ngọn giáo mới thay, Hoài Văn dùng hết sức mình đâm thẳng vào mặt Toa Đô. Bọn tướng hộ vệ của Toa Đô xúm lại, nắm lấy cán giáo. Hàng chục chiến thuyền của đoàn quân trẻ tuổi nhao nhao vây quanh Toa Đô, kẻ vung gươm, người lao giáo. Toa Đô vung quả chùy đập túi bụi. Một chân của Toa Đô đập vào mũi thuyền của Hoài Văn xoay như chong chóng. Tiếng reo hò man rợ của quân Nguyên nổi lên. Chiến thuyền của Toa Đô xông xáo khắp nơi. Ngọn chùy vung tới đâu là từng mảng người đổ xuống. Hoài Văn nói với người tướng già:

– Hai lần ta không đánh được nó rồi? Làm thế nào? Không giết được thằng ấy, mình còn tai hại.

Người tướng già bảo:

– Quân nó xem chừng đã mệt. Trời nắng gắt, nó uể oải lắm rồi. Đợi lát nữa, Toa Đô kiệt sức, đánh là ăn chắc.

– Phải triệt ngọn chùy của nó. Nó lợi hại là ở ngọn chùy.

Cửa Hàm Tử bát ngát mênh mông trở nên hỗn độn, chật ních những thuyền ngang thuyền dọc, xô nhau, đuổi nhau, tản ra, tụ lại. Hàng chuỗi người lẫn xuống nước. Nước sông đỏ ngầu ngầu. Tiếng chiêng trống, tiếng quát tháo, tiếng kêu rên hoà thành một thứ âm thanh kinh khủng. Cuộc hỗn chiến giữa hai đoàn chiến thuyền mỗi lúc một thêm quyết liệt.

* * *

Toa Đô vẫn vung quả chùy tả xung hữu đột. Toa Đô xông vào cứu một chiến thuyền quân Nguyên đang bị Hoài Văn Hầu vây hãm. Hoài Văn liếc nhìn Toa Đô, đoán là tên tướng giặc đã đuối sức rồi. Mồ hôi chảy ròng ròng như suối trên cái mặt to kệch, chiến bào ướt đầm. Miệng Toa Đô há hốc.

Toa Đô thở hồng hộc. Quả chùy văng vung lên và đập xuống, nhưng không mạnh như gió như bão nữa. Mắt Toa Đô mở tròn xoe, đôi lông mày chồi sểnh lại. Toa Đô gằm lên như muốn nuốt chửng lấy Hoài Văn. Chiến thuyền của Toa Đô lao thẳng tới. Thuyền của Hoài Văn né sang một bên, chạy lướt như gió. Đoàn thuyền của Hoài Văn cũng tản ra.

Cứu được chiến thuyền bị vây đánh, Toa Đô đắc chí cười khanh khách.

Thuyền của Hoài Văn lướt như gió. Tới đuôi chiến thuyền của Toa Đô, Hoài Văn quay mũi thuyền mình lại, nhảy phắt lên thuyền giặc. Người tướng già và hơn một chục chiến sĩ cũng nhảy lên theo. Quân giặc chạy tán loạn trước mũi giáo của Hoài Văn. Toa Đô đang mải đánh đằng mũi, bỗng nghe thấy đằng sau lưng tiếng quân mình kêu khóc. Toa Đô giật mình quay lại, chưa kịp kêu, thì Quốc Toản đã bay tới. Từ trên mũi thuyền nhảy xuống, dùng hết sức bình sinh, Hoài Văn đá phốc vào cái bàn tay hộ pháp mang quả chùy đáng sợ. Ngọn chùy văng lên cao, rơi xuống sông, nước bắn lên tung toé. Quan quân ở các chiến thuyền xung quanh cất tiếng reo mừng. Nhưng mất thăng bằng, Hoài Văn đã ngã xuống. Toa Đô tiếc ngọn chùy, gằm lên như con thú dữ, tuốt gươm chém Hoài Văn đang lồm ngồm bò dậy. Lưỡi gươm loé chớp. Người tướng già hét lên một tiếng, lao tới ôm lấy Hoài Văn. Lưỡi gươm chém phập xả vào vai người tướng già. Các chiến sĩ của Hoài Văn ào ào nhảy tới...

3. Vừa lúc ấy, một tiếng pháo lệnh nổ vang. Từ một nhánh sông, một đoàn chiến thuyền lớn kéo ra cửa Hàm Tử, dàn thành một thế trận uy phong và tề chỉnh. Trên chiến thuyền đi đầu, phấp phới một lá cờ to đề ba chữ: “Tổng Triệu Trung”.

Tiếng loa vang lên, toàn là giọng nói bắc phương quen thuộc. Trông thấy bóng quân Tổng, Toa Đô giật mình, hoang mang không hiểu tại sao. Bị các chiến sĩ của Hoài Văn đánh tui bụi, Toa Đô đành phải nhảy sang một thuyền khác. Tiếng loa đồng dục từ thuyền quân Tổng như rót vào tai quân giặc:

– Bớ Toa Đô, nay nhà Tổng chúng tao đã lấy lại được nước. Thắng Hốt Tất Liệt của chúng mày đã bị bêu đầu. Ta là đại tướng Triệu Trung, vâng lệnh Hoàng đế nhà Tống, sang đây giúp nước Nam hồi tội chúng mày. Quân của ta là quân nhân nghĩa, chỉ cốt bắt Thoát Hoan. Còn chúng mày sớm biết tội đầu hàng thì được toàn tính mạng. Nhược bằng chống cự thiên uy thì chúng mày sẽ thành lũ quỷ không đầu, khi ấy đừng trách ta không báo trước.

Chân tay Toa Đô run rẩy, mồ hôi toát ra như tắm. Thế trận của quân nhà Tống mở ra. Triệu Trung, oai phong凛冽, phát lá cờ lệnh cho chiến thuyền xung trận. Giáp trụ của Triệu Trung sáng ngời, tướng sĩ đứng hộ vệ hai bên cũng giáp trụ sáng ngời. Đứng sau Triệu Trung là một lực sĩ mang một quả chùy lớn như quả chùy của Toa Đô. Theo sau chiến thuyền của Triệu Trung không biết cơ man nào là chiến thuyền mang hiệu nhà Tống. Từ tướng đến quân mặc gấm vóc, sang trọng như trong những ngày lễ lớn, đúng là cái khí thế của những người thắng trận.

Quân Nguyên kêu khóc như ri:

- Nhà Tống lấy lại được nước rồi!
- Chúng ta không còn đất để chôn thây nữa!
- Quân nhà Trần, ta còn chưa làm gì nổi, lại thêm quân Tống sang giúp, ta có đánh cũng chỉ mua lấy cái nhục mà thôi!

Quân Triệu Trung đã quen với lối đánh của quân Nguyên, tiền quân một cách thành thạo vững vàng. Vừa mới xung trận, họ đã cướp luôn được một chiến thuyền của Toa Đô. Quân giặc ở các đội chiến thuyền khác càng thêm hoang mang, nhốn nhác, kẻ chạy dạt về đằng sau, kẻ chui xuống khoang thuyền, kẻ quăng vũ khí, kẻ lao xuống sông, kẻ nhảy sang thuyền khác,... Tiếng kêu rống như bò, như dê bị cắt tiết. Hàng ngũ quân Nguyên rối loạn. Toa Đô hét đã khản cả tiếng. Nhưng lệnh của Toa Đô không có ai nghe.

Đại đội chiến thuyền của Chiêu Văn Vương ầm ầm đánh đuổi quân Toa Đô rút chạy. Tiếng trống, tiếng chiêng chấn động trời đất. Đứng trên mũi chiến thuyền của mình, Chiêu Văn Vương một tay phát cờ lệnh, một tay thúc trống điều khiển quan quân. Tiếng loa của Chiêu Văn Vương đồng dục truyền đi:

- Tướng sĩ hãy một lòng quyết chiến, để rửa mối thù mang nặng từ bấy lâu nay. Quan gia mong đợi, Quốc công trông ngóng. Các người hãy cùng ta nỗ lực, diệt hết quân Toa Đô, ca khúc khải hoàn, để tiếng thơm ghi mãi trong sử sách. Quân Tống đã sang giúp ta, đó là cơ hội ngàn năm có một. Quân Tống và giặc Thát ăn mặc giống nhau, các người chớ lầm lẫn bạn thù, cùng quân Tống xông vào giết kẻ thù chung...

Quan quân dạ ran, lẫn xả vào các chiến thuyền giặc. Tiếng loa vẫn cất lên vang lừng:

– Bớ quân Thát! Chúng bay quay về thì không còn đất, ở đây thì cái thế bại của chúng bay đã rõ rành rành. Hãy nghe ta, bỏ giáo đầu hàng, ta sẽ thể theo đức hiếu sinh của Thượng đế mà tha cho làm phúc. Những ai là dân nhà Tống bị quân Thát bắt ép sang đây, hãy quay giáo lại, đánh kẻ quốc thù lập công chuộc tội, thì còn có ngày trở về quê hương sum họp gia đình...

Quân Toa Đô hỗn độn càng thêm hỗn độn. Triệu Trung đi đến đâu thì những người Tống theo quân Nguyên nhảy xổ ra hàng, reo hò như vừa thoát nạn. Nhiều chiến thuyền của quân Toa Đô không chạy được, vì không còn người chèo, người lái. Trong khoang các chiến thuyền của giặc, cảnh tượng thật là bi đát. Ở đây nóng như luộc, hơi người nồng nặc. [...] Người nằm la liệt, chồng chất lên nhau, kẻ ôm lẫn với người hấp hối, người bị thương gục lên xác chết, bọn đang lên cơn sốt rét rên khừ khừ nằm bên những người thổ tả đang lả đi sau một cơn nôn tháo. Trên mũi thuyền vọng xuống những tiếng kêu thê thảm. Lũ người ốm ngất đi trong hoảng sợ. [...] Quân giặc chạy cả xuống khoang thuyền ẩn nấp, mặt cắt không còn hột máu, lưỡi cứng lại không nói lên lời. Chúng ôm mặt khóc rung rức.

Trên cửa Hàm Tử, vẫn nổi lên tiếng chiêng, trống, tiếng hò reo của quân nhà Trần và quân Tống ầm ầm như có muôn vạn con người. Nhiều chiến thuyền của Toa Đô đã cắm cờ hiệu nhà Trần. Nhiều đám cháy bốc lên trên chiến thuyền này, chiến thuyền khác của giặc. Mặt sông ngồn ngàng những xác thuyền vỡ, những lá cờ, những cán giáo, những khiên, những mộc, những vành cung, những bao tên của quân Nguyên. Mặt nước Hàm Tử đỏ một cách khủng khiếp dưới ánh nắng hè chói mắt.

Toa Đô dẫn một đoàn chiến thuyền còn sót lại, quay mũi xuôi xuống hạ lưu ra biển...

4. Lại nói về Hoài Văn Hầu sau khi được người tướng già cứu thoát. Trên chiến thuyền mà Toa Đô đã bỏ đẩy để chạy sang thuyền khác, quân Nguyên sụp xuống lạy Hoài Văn xin hàng. Những khí giới chúng nộp chất đồng trước mặt Hoài Văn. Hoài Văn chẳng buồn nhìn bọn giặc. Hoài Văn ôm lấy người tướng già, lòng Hoài Văn đau như cắt. Cánh tay phải của người tướng già bị chém đã lia khỏi vai, máu chảy lênh láng. Chòm râu bạc cũng nhuốm máu hồng loang lổ. Máu thấm vào chiến bào của Hoài Văn. Quốc Toàn lấy gươm cắt vạt áo bào buộc vết thương mà một người lính đã rịt bằng thuốc Mán. Hoài Văn nhìn người tướng già, mặt chàng buồn rười. Nhưng người tướng

già mỉm cười, khẽ nhắc cánh tay trái, chỉ đoàn thuyền của Toa Đô đang hốt hoảng chạy xuôi. Đoàn chiến thuyền ấy va vào nhau, cái nghiêng, cái lật, cái đang chìm, cột buồm xiêu vẹo, cánh buồm rách tả tơi. Người tướng già nói:

– Vương tử đừng lảng đàng vì tôi nữa. Đi mà đuổi Toa Đô không nó chạy mất.

Hoài Văn nói:

– Ta nhờ ông dạy dỗ nên mới có ngày nay, lại chính nhờ có ông mà hôm nay ta thoát chết, ta bỏ ông đây sao được?

– Vương tử không nên theo thói thường tình. Đi đi, mặc tôi ở đây. Toa Đô nó chạy mất kia kia. Vương tử mà cứ dửng dăng mãi thì con dao đây, tôi xin kết liễu đời tôi cho rảnh...

Hoài Văn giăng lấy con dao. Người tướng già nói:

– Để một anh em trông nom tôi. Còn vương tử phải đi mới được. Đi mà lấy đầu Toa Đô!

Hoài Văn cử một số chiến sĩ đưa người tướng già lên một cái làng gần đấy, rồi xuống thuyền của mình, kéo quân đi đuổi Toa Đô. Đoàn chiến thuyền của Toa Đô đã chạy xa. Quốc Toản giục quân đuổi riết, khó nhọc lắm mới lách được qua những mảng thuyền giặc ngổn ngang, những đám cháy bùng bùng, những cột buồm, những ván thuyền nổi lênh bênh trên mặt nước.

Toa Đô đang chạy xuôi bỗng lại giật mình kêu khổ. Một tiếng pháo lệnh nổ vang. Một đoàn chiến thuyền hùng dũng đã chặn kín khúc sông, con chim sẽ không bay lọt được. Đoàn chiến thuyền này mang cờ hiệu của tướng quân Nguyễn Khoái. Đứng trên mũi chiến thuyền chỉ huy, Nguyễn Khoái chống một thanh đao lớn thét to:

– Lên Thăng Long không có lối, ra bể không còn đường. Bốn bể là thiên la địa võng. Toa Đô mày chạy đi đâu?

Toa Đô hô đám tàn quân:

– Đằng sau chúng nó đuổi. Trước mặt chúng nó chặn đường. Liều chết mà phá vòng vây may ra còn sống.

Một tay mộc, một tay giáo, Toa Đô xông thẳng tới trước thuyền của Nguyễn Khoái, mặc cho tên bắn chung quanh. Nguyễn Khoái cũng thúc thuyền nghênh chiến, thanh đao lớn của tướng quân bổ xuống đầu Toa Đô

như trời giáng. Kẽ giáo, người đao, hai người đánh nhau dữ dội, vũ khí chạm vào nhau choang choang. Toa Đô vừa đánh vừa thở hồng hộc, ngọn giáo của Toa Đô mỗi lúc một vung về. Toa Đô chỉ còn ra sức chống đỡ. Đại đội chiến thuyền của Chiêu Văn Vương lại vừa ập tới. Hoài Văn đi trước, lá cờ sáu chữ pháp phối đầu thuyền. Toa Đô hốt hoảng, nhảy sang một chiến thuyền khác chạy trốn. Trống chiêng chấn động, bốn mặt là quân sĩ nhà Trần. Quân Nguyên bạt vía kinh hồn, đưa quăng vũ khí quý hàng, đưa nhảy xuống nước, liều chết boi vào bờ. Toa Đô cũng nhào xuống nước. Hoài Văn đang đuổi Toa Đô, định nhảy theo để bắt tên tướng giặc. Nguyễn Khoái nói to:

– Khoan đã. Hãy xem Nguyễn Khoái bắn Toa Đô đây này.

Nguyễn Khoái giương cung. Toa Đô vừa ngoi lên bờ thì mũi tên của tướng quân cũng vừa bắn tới. Mũi tên tài tình trúng giữa lưng Toa Đô. Viên hổ tướng nhà Nguyên kêu rống, đeo tên cầm đầu cắm cổ chạy. Toa Đô lao đảo, nhô lên rồi lại ngã, ngã xuống lại cố đứng lên.

Chiêu Văn Vương xuống lệnh cho Hoài Văn Hầu dẫn quân lên bộ đuổi Toa Đô.

5. Từ khắp các làng mạc xung quanh, trai tráng đã nhận được mật lệnh của Chiêu Văn Vương từ trước, vác gậy gộc ra giúp quan quân đánh giặc. Những ông già, bà lão thì dắt trâu, dắt bò, gánh lợn, gánh gạo ra sông mừng chiến thắng. Lẫn trong đám đông dân chúng, có cả mẹ già của Hoài Văn.

Phu nhân lán nạn về đây, ngày đêm mong ngóng tin tức của đứa con đi xa đẹp giặc. Bà được nghe người ta đồn rằng ở cửa ải trên cỗi biên thủy, có một người tướng rất trẻ mang một lá cờ đỏ đề sáu chữ vàng. Trông thấy lá cờ là quân giặc khiếp oai. Phu nhân nửa tin, nửa ngờ, không biết có thật đấy là con trai mình không. Hôm nay, phu nhân lại nghe thấy nói ở cửa Hàm Tử có đánh nhau to, và dưới trướng Chiêu Văn Vương Trần Nhật Duật có một thiếu niên anh hùng. Người tướng trẻ ấy cũng mang lá cờ sáu chữ, và xông vào giữa hàng trăm chiến thuyền của giặc như vào chỗ không người. Và lòng phu nhân rạo rức.

Người mẹ theo bà con ra tận cửa sông, trước để mừng quan quân, sau để xem người tướng trẻ. Chắc chắn đấy là con ta thôi. Lá cờ ấy chính ta đã may cho nó. Nhưng sao con ta lại chóng giời giang đến thế? Nghĩ như vậy thì phu nhân lại chẳng dám tin người có lá cờ sáu chữ kia là con mình.

Phu nhân chồng gậy lò dò bước. Bỗng nghe thấy có những tiếng reo mừng của bà con. Người ta kháo nhau, người ta chỉ trỏ một lá cờ từ bờ sông bay tới. Có người kêu:

– Lá cờ đỏ có sáu chữ vàng.

Người mẹ ghen ngào, nhìn theo những ngón tay chỉ trỏ. Lá cờ lấp lánh trong ánh hoàng hôn. Phu nhân mở to mắt để nhìn. Phu nhân dụi mắt, rồi lại nhìn, rồi lại dụi. Bên tai bà, có tiếng ai đọc to:

– PHÁ CƯỜNG ĐỊCH BÁO HOÀNG ÂN...

– Đến gần lắm rồi! Chữ đẹp mà người thù cũng khéo.

– Ông tướng ấy là ai?

– Nghe đâu là Hoài Văn Hầu Trần Quốc Toản.

Người mẹ ứa nước mắt vì vui sướng. Nhưng lòng người mẹ thổn thức. Người mẹ không nói nên lời. Phu nhân chỉ thấy loá loá một lá cờ đỏ. Và phu nhân cố chạy theo bà con để đến gần lá cờ mà xem cho rõ. Nhưng lá cờ đã rẽ đi đường khác. Người mẹ chạy đến đứt hơi mà không sao đuổi kịp được lá cờ. Một quá, người mẹ ngồi bệt xuống bờ đê.

Hoài Văn Hầu dẫn sáu trăm gã hào kiệt âm thầm đi đuổi Toa Đô đang chạy tháo thân ra bể. Lá cờ đỏ thêu sáu chữ vàng căng phồng lên trong gió hè lồng lộng thổi. Dưới lá cờ bay cao, gươm giáo tua tủa như hàng rào, nghiêng nghiêng trong bụi mù, nhòa dần trong bóng chiều đỏ xuống.

Qua rừng, qua núi, qua đèo, qua sông, lá cờ sáu chữ dẫn Hoài Văn và sáu trăm gã hào kiệt đi mãi, đi mãi tới những nơi nào còn có bóng quân Nguyên...

(In trong *Tuyển tập Nguyễn Huy Tưởng*, tập hai, NXB Văn học, 1985)

- Tóm tắt chuỗi sự kiện được kể trong văn bản. Trận chiến đánh quân Nguyên trong chương này được kể theo mấy tuyến nhân vật? Đó là những tuyến nào?
- Xác định chủ đề của văn bản và cho biết việc kể theo tuyến nhân vật như vậy có tác dụng gì trong việc thể hiện chủ đề của văn bản.
- Nêu một số đặc điểm của nhân vật Hoài Văn Hầu được thể hiện trong văn bản.
- Hoàn thành nội dung bảng sau (làm vào vở):

Lời văn	Ví dụ
Lời của người kể chuyện	
Lời của nhân vật	

Từ bảng trên, chỉ ra tác dụng của sự kết hợp giữa lời của người kể chuyện và lời của nhân vật trong văn bản.

- đ. Nêu một số ví dụ về lời kể và lời miêu tả của người kể chuyện trong văn bản. Chỉ ra tác dụng của sự kết hợp giữa lời kể và lời miêu tả trong văn bản.
- e. Nhận xét về nghệ thuật viết truyện lịch sử của tác giả (lưu ý cách sử dụng ngôi kể; cách quan sát, miêu tả nhân vật, tái hiện bối cảnh lịch sử; cách dùng lời người kể chuyện, lời của nhân vật;...).

II. TIẾNG VIỆT

1. Tìm các câu kể, câu hỏi, câu cảm, câu khiến được dùng trong văn bản *Lá cờ thêu sáu chữ vàng* (trích Chương XVIII); chỉ ra dấu hiệu giúp em nhận biết các kiểu câu đó.
2. Đọc đoạn văn sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:

Người tướng già nói:

– *Vương tử đừng lảng đàng vì tôi nữa. Đi mà đuổi Toa Đô không nó chạy mất.*

Hoài Văn nói:

– *Ta nhờ ông dạy dỗ nên mới có ngày nay, lại chính nhờ có ông mà hôm nay ta thoát chết, ta bỏ ông đây sao được?*

– *Vương tử không nên theo thói thường tình. Đi đi, mặc tôi ở đây. Toa Đô nó chạy mất kia kìa. Vương tử mà cứ dửng dăng mãi thì con dao đây, tôi xin kết liễu đời tôi cho rảnh...*

Hoài Văn giằng lấy con dao. Người tướng già nói:

– *Để một anh em trông nom tôi. Còn vương tử phải đi mới được. Đi mà lấy đầu Toa Đô!*

(Nguyễn Huy Tưởng, *Lá cờ thêu sáu chữ vàng*)

- a. Trong đoạn trích trên có cuộc thoại giữa ai với ai?

- b. Nhận xét về tỉ lệ mỗi kiểu câu được sử dụng trong cuộc thoại và giải thích tác dụng của cách sử dụng lời thoại như vậy.

3. Cho câu sau:

Hoài đọc truyện “Lá cờ thù sáu chữ vàng”.

Hãy thêm/ bớt từ ngữ cho câu trên để tạo thành câu hỏi, câu cảm, câu khiến.

4. Cho đoạn văn sau:

Người mẹ ứa nước mắt vì vui sướng. Nhưng lòng người mẹ thốn thức. Người mẹ không nói nên lời. Phụ nhân chỉ thấy loá loá một lá cờ đỏ. Và phụ nhân cố chạy theo bà con để đến gần lá cờ mà xem cho rõ. Nhưng lá cờ đã rẽ đi đường khác. Người mẹ chạy đến đứt hơi mà không sao đuổi kịp được lá cờ. Một quá, người mẹ ngồi bệt xuống bờ đê.

(Nguyễn Huy Tưởng, Lá cờ thù sáu chữ vàng)

- a. Xác định câu khẳng định, câu phủ định được dùng trong đoạn văn trên.
b. Nêu tác dụng của câu khẳng định và câu phủ định trong đoạn văn trên.
- 5.** Dùng danh từ “Hoài Văn Hầu” hoặc “Toa Đô” để đặt câu dưới hai hình thức: câu khẳng định và câu phủ định.

III. VIẾT

1. Lập dàn ý cho đề bài sau:

Viết bài văn kể lại một chuyến đi bổ ích (ví dụ: chuyến tham quan thắng cảnh hay di tích lịch sử, chuyến đi tìm hiểu thực tế địa phương hay về thăm ông bà, người thân;... bài viết có sử dụng yếu tố miêu tả hay biểu cảm hoặc kết hợp cả hai yếu tố ấy).

- 2.** Dựa vào dàn ý đã lập ở câu 1, viết ít nhất hai đoạn văn (hai đoạn cho phần thân bài hoặc một đoạn mở bài, một đoạn thân bài).

IV. NÓI VÀ NGHE

Nhân dạy đọc hiểu một số văn bản truyện lịch sử, cô giáo bộ môn dự kiến dành thời gian cho các nhóm tìm hiểu, thảo luận về sức hấp dẫn của thể loại văn học này. Trong tiết học đó, vì lí do chính đáng, một số bạn trong nhóm học tập của em sẽ không tham dự được. Em hãy nghe, nắm bắt nội dung chính đã trao đổi, thảo luận và trình bày lại nội dung đó cho các bạn trong nhóm mình.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI TẬP

I. ĐỌC

1. Gợi ý trả lời: Em có thể chọn, phân tích một số nét tính cách nổi bật của nhân vật Vua Quang Trung thể hiện trong văn bản như sau:

– Vua Quang Trung: nhà cầm quân tài ba, giàu mưu lược (phân tích một số chi tiết về nét tính cách tài ba, mưu lược: ví dụ về các kế sách đầy mưu lược).

– Vua Quang Trung: nhà chỉ huy quân sự tự tin, quyết đoán (phân tích một số chi tiết về nét tính cách tự tin, quyết đoán: ví dụ về kế sách hành quân tiến đánh thần tốc, việc mở tiệc khao quân, lời hẹn ăn Tết ở Thăng Long,...).

– Vua Quang Trung: vị hoàng đế/ người anh hùng “trăm trận trăm thắng”, quyết đoán (phân tích một số chi tiết về nét cốt cách anh hùng “trăm trận trăm thắng”: ví dụ phân tích về sự tương quan lực lượng, sự thảm bại của đội quân nhà Thanh, các trận thắng liên tiếp khiến uy danh lẫy lừng,...).

2. Gợi ý trả lời: Câu hỏi có hai yêu cầu chính cần đáp ứng: nhận biết, phân tích được thái độ, tình cảm của tác giả; đánh giá, lí giải bằng hiểu biết về thể loại truyện lịch sử.

– Yêu cầu 1: nhận biết về nhân vật, tuyến nhân vật (yếu tố nhân vật và tính chính thể của truyện lịch sử); nhận biết, phân tích được thái độ, tình cảm của tác giả:

Em cần lưu ý cách tìm hiểu, xác định thái độ, tình cảm của người viết trong văn xuôi tự sự thuộc thể loại truyện lịch sử: sự thể hiện gián tiếp qua sự kiện, tình huống, cách miêu tả, trần thuật, giọng điệu,...

Từ đó, em nhận ra sự khác biệt về thái độ, tình cảm của tác giả khi viết về Vua Quang Trung – nghĩa quân Tây Sơn và về anh em Trịnh Tông – đám kiêu binh; Lê Chiêu Thống, Tôn Sĩ Nghị, đội quân xâm lược nhà Thanh thông qua một số dấu hiệu, bằng chứng cụ thể. Ví dụ:

Với anh em Trịnh Tông – đám kiêu binh: thái độ phê phán thể hiện qua cách tường thuật, miêu tả cảnh kiêu binh phò Trịnh Tông lên ngôi như một trò hề khôi hài, chưa từng thấy trong các nghi lễ đăng quang hoàng đế,...

Với vua tôi Lê Chiêu Thống, Tôn Sĩ Nghị và đội quân xâm lược nhà Thanh: thái độ phê phán, chế giễu thể hiện qua cách tường thuật, miêu tả các cảnh thua trận, đặc biệt là cảnh chạy trốn nhục nhã của chúng.

Với Vua Quang Trung – nghĩa quân Tây Sơn: thái độ nể trọng, ngợi ca thể hiện qua cách tường thuật, miêu tả tính kỉ luật, dũng mãnh, cách thể hiện chân dung Hoàng đế Quang Trung như một anh hùng chiến trận, một vị vua mưu lược, bách chiến bách thắng,...

– Yêu cầu 2: đánh giá, lí giải bằng hiểu biết về thể loại truyện lịch sử:

Gợi ý: Truyện lịch sử tuy rất coi trọng tính xác thực của các thông tin khách quan liên quan đến các sự kiện, nhân vật lịch sử, nhưng cũng chấp nhận cái nhìn/ cách nhìn lịch sử theo quan điểm, thái độ của tác giả. Theo đó, cũng chấp nhận việc tác giả bộc lộ tình cảm, cảm xúc theo cách riêng. Thái độ phê phán, tố cáo của tác giả với đội quân xâm lược nhà Thanh thể hiện chủ nghĩa yêu nước, lập trường dân tộc và rất rạch ròi. Tuy nhiên, Ngô gia văn phái dù có tư tưởng phò Lê, nhưng không vì thế mà không phơi bày tội trạng của vua tôi Lê Chiêu Thống hay không thừa nhận, khẳng định công trạng lịch sử của Vua Quang Trung.

3. Gợi ý trả lời: Em thực hiện bài tập này theo các bước:

(1) Nhắc lại khái niệm cốt truyện, cốt truyện đơn tuyến, cốt truyện đa tuyến,...

(2) Lựa chọn tác phẩm đã học, đã đọc có cốt truyện đơn tuyến (nên chọn một truyện truyền thuyết hoặc truyện cổ tích hay truyện ngắn có cốt truyện rõ ràng, đơn giản như *Thánh Gióng*, *Em bé thông minh*, *Cây sồi mùa đông*,...); tóm tắt nhanh hoặc phác thảo sơ đồ cốt truyện đơn tuyến của tác phẩm đã chọn.

(3) Lập bảng so sánh hoặc đối chiếu hai sơ đồ cốt truyện đa tuyến và cốt truyện đơn tuyến của truyện đã chọn.

(4) Chỉ ra điểm khác biệt (và tương đồng nếu có) giữa hai dạng cốt truyện trong sự liên hệ với ngữ liệu văn bản trích *Hoàng Lê nhất thống chí* trong sách giáo khoa và truyện có cốt truyện đơn tuyến đã chọn.

4. a. Gợi ý trả lời: Chuỗi sự kiện được kể trong văn bản có thể tóm tắt theo các sự kiện ứng với các đoạn được đánh số thứ tự:

– Đoàn chiến thuyền của quân Nguyên do Toa Đô cầm đầu ồ ạt tiến vào nước ta theo đường sông.

– Chiến thuyền của đoàn quân trai trẻ Trần Quốc Toàn nghênh chiến.

– Sự tiếp ứng của tướng Trần Trung và thủy quân nhà Tống.

– Sự xuất hiện bất ngờ của quân chủ lực nhà Trần do Nguyễn Khoái chỉ huy.

– Cuộc truy đuổi Toa Đô của Trần Quốc Toàn và niềm thương nhớ, tự hào của người mẹ.

Cuộc chiến đấu được kể theo bốn tuyến chính: Toa Đô, Quốc Toàn, Trần Trung và các cánh quân khác, dân chúng kháng chiến và người mẹ.

b. *Gợi ý trả lời:* Chủ đề của văn bản là: chiến công của Hoài Văn Hầu Trần Quốc Toàn và các cánh quân của nhà Trần trong trận thủy chiến đánh đuổi quân Nguyên do Toa Đô cầm đầu trên cửa Hàm Tử.

Cách kể theo tuyến nhân vật như vậy có tác dụng trong việc thể hiện chủ đề của văn bản:

– Tái hiện sự kiện lịch sử theo đúng diễn biến.

– Tô đậm các tình huống, tình tiết cho thấy tính chất ác liệt, bất ngờ của trận chiến.

– Làm nổi bật hào khí và nghệ thuật đánh giặc của quân – dân nhà Trần.

– Làm nổi bật hào khí và chiến công của Hoài Văn Hầu Trần Quốc Toàn.

c. *Gợi ý trả lời:* Đặc điểm của nhân vật Hoài Văn Hầu được thể hiện trong văn bản:

– Tuổi nhỏ chí lớn, dũng mãnh, tự tin,...

– Giàu lòng yêu nước, căm thù quân xâm lược, khát khao lập chiến công “phá cường địch báo hoàng ân”.

d. *Gợi ý trả lời:* Em tự hoàn thành bảng dựa trên các ý sau:

– Lời của người kể chuyện: *Trong khoang các chiến thuyền của giặc, cảnh tượng thật là bi đát. Ở đây nóng như luộc, hơi người nồng nặc. [...] Người nằm la liệt, chồng chất lên nhau, kẻ ôm lẫn với người hấp hối, người bị thương gục lên xác chết, bọn đang lên cơn sốt rét rên khừ khừ nằm bên những người thổ tả đang lả đi sau một cơn nôn tháo. Trên mũi thuyền vọng xuống*

những tiếng kêu thê thảm. Lũ người ốm ngất đi trong hoảng sợ. Chiêu Văn Vương xuống lệnh cho Hoài Văn Hầu dẫn quân lên bộ đuổi Toa Đô;...

Tác dụng: giới thiệu nhân vật, miêu tả kể chuyện; dẫn dắt câu chuyện.

– Lời của nhân vật: *Toa Đô! Bây giờ thì tao hoá kiếp cho mày; Quân nhà Trần, ta còn chưa làm gì nổi, lại thêm quân Tống sang giúp, ta có đánh cũng chỉ mua lấy cái nhục mà thôi!*

...

Tác dụng: thể hiện hành động, tính cách, thái độ, tình cảm của nhân vật; bổ trợ cho lời của người kể chuyện.

Lời của người kể chuyện có tác dụng thuật lại diễn biến của hành động, miêu tả không khí, cảnh quan, còn lời của nhân vật trong văn bản thể hiện hành động, tâm lí, cảm xúc của nhân vật. Sự kết hợp giữa lời của người kể chuyện và lời của nhân vật giúp sự kiện, nhân vật được thể hiện một cách cụ thể, sinh động.

đ. *Gợi ý trả lời:* Một số ví dụ về lời kể và lời miêu tả của người kể chuyện trong văn bản:

– Câu văn là lời kể chuyện: *Hoài Văn cử một số chiến sĩ đưa người tương già lên một cái làng gần đấy, rồi xuống thuyền của mình, kéo quân đi đuổi Toa Đô. Đoàn chiến thuyền của Toa Đô đã chạy xa...*

– Câu văn là lời miêu tả: *Quốc Toàn giục quân đuổi riết, khó nhọc lắm mới lách được qua những mảng thuyền gác ngổn ngang, những đám cháy bùng bùng, những cột buồm, những ván thuyền nổi lênh bênh trên mặt nước...*

Lời kể có tác dụng thể hiện, trình bày diễn biến của hành động, sự kiện; lời miêu tả có tác dụng tái hiện “vẽ” lại cảnh vật, hình ảnh nhân vật, sự vật; làm nổi bật tính chất, trạng thái của hành động. Việc người kể chuyện kết hợp sử dụng lời kể và lời miêu tả giúp cho diễn biến, bối cảnh không khí của trận đánh hiện lên gợi tả, sinh động hơn.

e. *Gợi ý trả lời:* Nghệ thuật viết truyện lịch sử của tác giả:

– Cách sử dụng ngôi kể, điểm nhìn: ngôi thứ ba, điểm nhìn của nhân vật.

– Cách quan sát, miêu tả nhân vật, tái hiện bối cảnh lịch sử: miêu tả nhân vật chủ yếu bằng hành động, lời nói; mô tả theo lối tương phản; dựa trên

tình huống bối cảnh là sự kiện lịch sử, kết hợp sự thật và hư cấu tưởng tượng sáng tạo.

– Cách sử dụng đan dệt lời người kể chuyện, lời của nhân vật,...: tham khảo câu d, đ.

II. TIẾNG VIỆT

1. Gợi ý trả lời: Một số câu kể, câu hỏi, câu cảm, câu khiến được dùng trong văn bản *Lá cờ thêu sáu chữ vàng* (Chương XVIII):

– Câu kể: *Người mẹ ứa nước mắt vì vui sướng.*

Dấu hiệu: kết thúc bằng dấu chấm, nội dung kể.

– Câu hỏi: *Từ đây lên tới Thăng Long còn bao lâu nữa?*

Dấu hiệu: từ ngữ thường dùng trong câu hỏi (*bao lâu*), kết thúc bằng dấu chấm hỏi, nội dung hỏi.

– Câu cảm: *Đến gần lắm rồi! Chữ đẹp mà người thêu cũng khéo.*

Dấu hiệu: từ ngữ thường dùng trong câu cảm (*lắm*), thường kết thúc bằng dấu chấm than, nội dung biểu cảm.

– Câu khiến: *Khoan đã. Hãy xem Nguyễn Khoái bắt Toa Đô đây này.*

Dấu hiệu: từ ngữ thường dùng trong câu khiến (*hãy*), nội dung cầu khiến.

2. Gợi ý trả lời: a. Trong đoạn trích có cuộc thoại giữa “người tướng già” và Hoài Văn Hầu Trần Quốc Toản.

b. Trong cuộc thoại, kiểu câu khiến chiếm tỉ lệ sử dụng nhiều hơn các kiểu câu khác.

Ví dụ:

(1) *Vương tử đừng lảng đãng vì tôi nữa.*

(2) *Đi mà đuổi Toa Đô không nó chạy mất.*

(3) *Vương tử không nên theo thói thường tình.*

(4) *Đi đi, mặc tôi ở đây.*

(5) *Đi mà lấy đầu Toa Đô!*

Lí do: Tình huống chiến đấu cấp bách, cơ hội “phá cường địch báo hoàng ân” hiểm có đối với đội quân của Hoài Văn Hầu Trần Quốc Toản đòi hỏi người tướng già phải liên tục giục giã.

Tác dụng: Các lượt thoại thể hiện lời cầu khẩn thiết tha, đồng thời cũng là mệnh lệnh chiến đấu khẩn cấp đối với Hoài Văn Hầu Trần Quốc Toản; làm nổi bật tình huống và tính cách của các nhân vật (tình nghĩa/ can đảm quên mình).

Lưu ý: Em nên thống kê số lượng các kiểu câu có trong lời thoại của các nhân vật để có thể thực hiện yêu cầu của bài tập này.

3. Gợi ý trả lời: Thêm/ bớt từ ngữ để tạo thành:

- Câu hỏi: *Hoài đọc truyện “Lá cờ thêu sáu chữ vàng” rồi phải không?*
- Câu cảm: *Hoài thích đọc truyện “Lá cờ thêu sáu chữ vàng” lắm!*
- Câu khiến: *Hoài hãy đọc truyện “Lá cờ thêu sáu chữ vàng” đi!*

4. Gợi ý trả lời:

- a. – Câu khẳng định: *Phu nhân chỉ thấy loạ loạ một lá cờ đỏ.*

Dấu hiệu nhận biết: Nội dung khẳng định; không có sự xuất hiện của các từ ngữ phủ định.

– Câu phủ định: *Người mẹ không nói nên lời; Người mẹ chạy đến đứt hơi mà không sao đuổi kịp được lá cờ.*

Dấu hiệu nhận biết: Nội dung phủ định; từ ngữ thường dùng trong câu phủ định (*không, không sao*).

b. Tác dụng:

Câu khẳng định được sử dụng kết hợp với câu phủ định trong đoạn văn giúp thể hiện đúng trạng thái tinh thần choáng ngợp của phu nhân (mẹ của Hoài Văn Hầu) khi bất ngờ được trông thấy đoàn quân chiến thắng của con mình, nhưng chỉ trong chốc lát, họ đã đi xa, tiếp tục tìm giặc mà đánh.

5. Gợi ý trả lời: Em dùng danh từ “Hoài Văn Hầu” hoặc “Toa Đô” để đặt câu dưới hai hình thức: câu khẳng định và câu phủ định.

Ví dụ:

1. *Hoài Văn Hầu tin rằng chàng nhất định lập được những chiến công vang dội* (câu khẳng định).
2. *Toa Đô đã không thể chạy thoát thân* (câu phủ định).

III. VIẾT

1. Gợi ý: Nếu em chọn đề tài là chuyến đi về quê thăm ông bà, người thân, dàn ý có thể được lập như sau:

MỞ BÀI:

- Giới thiệu chuyến đi về quê thăm ông bà, người thân.
- Nêu ấn tượng/ cảm nhận ban đầu về chuyến đi (ví dụ: sự náo nức của lần về quê hoặc cảnh quan khó quên trên đường đi,...)

THÂN BÀI:

Thuật lại quá trình diễn ra chuyến đi (thời gian, địa điểm, diễn biến, cảm xúc,...); kết hợp kể với miêu tả:

- Những việc diễn ra lúc khởi hành và trên đường đi.
- Những việc diễn ra tại điểm đến của chuyến đi (khung cảnh thiên nhiên, sinh hoạt; cảnh hội ngộ và những cảm xúc của bản thân, ông bà, người thân, nơi đến).
- Một vài sự việc diễn ra trên đường trở về.

KẾT BÀI:

- Khẳng định lại tình cảm hay suy nghĩ sâu sắc của bản thân qua chuyến đi.
- Nêu cảm nhận chung hay bài học về chuyến đi.

2. Gợi ý: có thể lựa chọn như sau:

Viết một đoạn mở bài (tối thiểu 50 chữ): Giới thiệu về chuyến về quê thăm ông bà, người thân.

Viết một đoạn thân bài (khoảng 100 chữ) kể lại một trong những sự việc, có kết hợp kể với miêu tả/ biểu cảm, nội dung: thuật lại một vài sự việc diễn ra trên đường trở về.

IV. NÓI VÀ NGHE

Yêu cầu cần đạt ở phần này gồm hai nội dung tiếp nối nhau: (1) Nghe: nắm bắt được nội dung chính mà nhóm đã trao đổi, thảo luận; (2) Nói: trình bày lại nội dung đã nghe được từ cuộc trao đổi, thảo luận của nhóm. Em cần tạo ra hai loại sản phẩm: sản phẩm của hoạt động nghe và sản phẩm của hoạt động nói sau khi nghe.

Gợi ý thực hiện các bước:

– Với yêu cầu 1: nghe và nắm bắt được nội dung chính mà các nhóm đã trao đổi, thảo luận, em xem lại quy trình nghe ở bài *Những gương mặt thân yêu* (Ngữ văn 8, tập một) và thực hiện theo các bước trong quy trình nghe: Chuẩn bị trước khi nghe; Nghe và ghi chép; Đọc lại, chỉnh sửa và phản hồi.

Bước 1. Chuẩn bị trước khi nghe

Ở bước này, điều quan trọng là tìm hiểu trước đề tài của cuộc trao đổi, thảo luận mà các nhóm sẽ tiến hành; liệt kê những gì em đã biết, đang quan tâm và muốn tìm hiểu thêm về nội dung đề tài trao đổi, thảo luận. Sau đó là chuẩn bị sẵn sàng cho việc theo dõi, ghi chép.

Bước 2. Nghe và ghi chép

Ở bước này, em cần lưu ý theo dõi và ghi lại: những nội dung chính của các ý kiến trao đổi; cách lập luận bằng chứng quan trọng của cả hai loại ý kiến: khẳng định và phủ định; ghi chú hoặc nêu câu hỏi về những điểm em chưa hiểu rõ hoặc chưa nghe kịp.

Bước 3. Đọc lại, chỉnh sửa và phản hồi

Ở bước này, em cần lưu ý: đọc lại và trao đổi nội dung tóm tắt với các bạn khác và điều chỉnh; nêu câu hỏi hoặc đề nghị người thuyết trình giải thích/trình bày lại một số ý mà em chưa rõ, nhằm đảm bảo rằng em hiểu đúng ý người nói và có thể trình bày lại. Sau đó, em dùng *Bảng kiểm kỹ năng nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác* (bài *Những gương mặt thân yêu*, Ngữ văn 8, tập một) để tự đánh giá kỹ năng nghe của mình.

– Với yêu cầu 2: trình bày lại nội dung cuộc trao đổi thảo luận. Trên cơ sở những gì đã nghe, nắm bắt và ghi chép được, em chuẩn bị bài trình bày của mình. Đối với hoạt động này, em cũng cần thực hiện theo quy trình bốn bước: Xác định đề tài, người nghe, thời gian và không gian nói; Tìm ý và lập dàn ý; Luyện tập và trình bày; Trao đổi và đánh giá.

Tuy nhiên, đề tài, người nghe, thời gian và không gian nói (bước 1) coi như đã được xác định. Em cần ưu tiên việc sắp xếp lại những ý tưởng và nội dung ghi chép được thành một dàn ý; luyện tập, trình bày.

Sau khi đã trình bày lại nội dung nghe được từ cuộc trao đổi, thảo luận, em thực hiện bước trao đổi và đánh giá như đối với các bài nói mà em đã thực hiện ở các bài trước.



BÀI TẬP

I. ĐỌC

- Chỉ ra các thủ pháp nghệ thuật trào phúng được dùng trong bài thơ *Bạn đến chơi nhà* của Nguyễn Khuyến và *Đề đền Sầm Nghi Đống* của Hồ Xuân Hương. Phân tích tác dụng khác nhau của các thủ pháp nghệ thuật trào phúng được dùng trong hai bài thơ này.
- Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

MĂNG HỌC TRÒ ĐỐT II

Hồ Xuân Hương

*Dắt dúi đưa nhau đến cửa chiến¹,
Cũng đòi học nói, nói không nên.
Ai về nhắn bảo phường lời tót²,
Muốn sống đem vôi quét trả đền.*

(In trong *Tổng tập Văn học Việt Nam*, tập mười bốn, NXB Khoa học xã hội, 2000)

- Qua bài thơ trên, tác giả đã châm biếm những ai?
- Tác giả đã sử dụng những thủ pháp trào phúng nào để châm biếm? Tác dụng của những thủ pháp trào phúng đó là gì?
- Nêu chủ đề của bài thơ. Chỉ ra những căn cứ giúp em xác định chủ đề.
- Bài thơ thể hiện tình cảm, cảm xúc gì của tác giả?
- Theo em, thông điệp tác giả muốn gửi gắm qua bài thơ là gì? Các thủ pháp trào phúng được sử dụng đã giúp tác giả thể hiện thông điệp này như thế nào?

¹ *Chiến*: “chiến” trong từ “chùa chiến” có nghĩa tương đương là chùa.

² *Lời tót*: quá dốt và để lộ rõ ra cái dốt nát.

3. Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

VỊNH KHOA THI HƯƠNG¹

Trần Tế Xương

*Nhà nước ba năm mở một khoa,²
Trường Nam thi lẫn với trường Hà³.
Lôi thôi sĩ tử vai đeo lọ⁴,
Âm oẹ quan trường miệng thét loa.
Lọng cầm rợp trời quan sứ đến⁵,
Váy lê quét đất mụ đầm ra⁶.
Nhân tài đất Bắc nào ai đó,
Ngoảnh cổ mà trông cảnh nước nhà.*

(In trong Trần Tế Xương – Tác phẩm chọn lọc, NXB Giáo dục, 2009)

- Khung cảnh khoa thi Hương được gợi tả bằng những từ ngữ, biện pháp tu từ nào trong sáu câu thơ đầu?
- Phân tích những thủ pháp trào phúng được sử dụng trong hai cặp câu 3 – 4, 5 – 6 và nêu tác dụng của chúng.
- Tác giả đã bộc lộ tình cảm, cảm xúc gì qua hai câu thơ cuối?
- Nêu chủ đề của bài thơ. Căn cứ vào đâu mà em xác định được chủ đề ấy?
- Thông qua bài thơ này, tác giả muốn gửi đến người đọc thông điệp gì?
- Khoa thi Hương năm Đinh Dậu được miêu tả với cảm hứng chủ đạo nào?

¹ *Vịnh khoa thi Hương*: còn có tên khác là *Lễ xướng danh khoa thi Đinh Dậu* (1897).

² *Nhà nước*: bộ máy quản lý quốc gia, ở đây chỉ triều đình phong kiến nhà Nguyễn. *Ba năm*: theo lệ thường dưới thời phong kiến, cứ ba năm có một khoa thi Hương.

³ *Trường Nam*: trường thi ở Nam Định; *Trường Hà*: trường thi ở Hà Nội. Đó là hai trường thi Hương ở Bắc Kỳ thời xưa. Thực dân Pháp đánh chiếm Hà Nội nên trường thi ở Hà Nội bị bãi bỏ. Từ năm Bính Tuất (1886), các sĩ tử trường Hà Nội thi chung ở trường Nam Định.

⁴ *Sĩ tử*: người đi thi. *Lọ*: dụng cụ đựng nước uống mà người đi thi mang theo.

⁵ *Quan sứ* nói đầy đủ là *quan Công sứ* – viên quan Pháp đứng đầu bộ máy cai trị của thực dân ở một tỉnh.

⁶ *Đầm*: âm Việt hoá của từ *madame* (ma-đam – tiếng Pháp có nghĩa là *đàn bà*). Khoa thi Hương này có toàn quyền Pháp ở Đông Dương là Pôn Đu-me (Paul Doumer) cùng vợ đến dự.

II. TIẾNG VIỆT

1. Nhận xét về sắc thái nghĩa của từ ngữ in đậm trong các trường hợp sau:

a. *Chẳng phải quan mà chẳng phải dân,*

Ngơ ngẩn ngẩn ngẩn hoá ra dân.

(Trần Tế Xương, Tự trào)

b. *Vì đây đối phận làm trai được,*

Thì sự anh hùng há bấy nhiêu!

(Hồ Xuân Hương, Đề đền Sầm Nghi Đống)

c. *Râu hùm, hàm én, mày ngài,*

Vai năm tấc rộng, thân mười thước cao.

Đường đường một đấng anh hào,

Côn quyền hơn sức, lược thao gồm tài.

(Nguyễn Du, Truyện Kiều)

d. *Nguyên người quanh quất đâu xa,*

Họ Kim tên Trọng vốn nhà trâm anh.

Nền phú hậu, bậc tài danh,

Văn chương nét đất, thông minh tính trời.

(Nguyễn Du, Truyện Kiều)

đ. *Thằng bán tơ kia giờ giới ra,*

Làm cho bận đến cụ Viên già.

(Nguyễn Khuyến, Kiều bán mình)

2. Có thể thay từ “lôi” bằng từ “đưa” trong câu thơ sau không? Vì sao?

Tôi nghe kẻ cướp nó lên ông,

Nó lại lôi ông tới giữa đồng.

(Nguyễn Khuyến, Hỏi thăm quan tuần mất cướp)

3. Cho câu thơ sau:

Ngoảnh cổ mà trông cảnh nước nhà.

(Trần Tế Xương, Vịnh khoa thi Hương)

Theo em, có thể thay từ “ngoảnh” bằng từ “ngẩng” không? Vì sao?

III. VIẾT

1. Theo em, để làm nổi bật các luận điểm của bài văn phân tích một tác phẩm thơ chúng ta có thể làm gì?
2. Trình bày một số lưu ý khi viết bài văn phân tích một tác phẩm thơ từ kinh nghiệm cá nhân.
3. Thực hiện yêu cầu sau:

Đề bài: Báo *Hoa học trò* tổ chức cuộc thi viết với chủ đề “Viết về bài thơ tôi yêu”. Em hãy viết một bài văn nghị luận phân tích một bài thơ mà em yêu thích để tham gia cuộc thi này.

IV. NÓI VÀ NGHE

Chủ đề để thảo luận trong buổi sinh hoạt lớp tuần tới là: Có nên tự cười mình không? Phải làm gì khi bị người khác cười?

Em phác thảo các bước thảo luận nhóm về chủ đề trên để chuẩn bị cho buổi sinh hoạt lớp.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI TẬP

I. ĐỌC

1. Trong bài thơ *Bạn đến chơi nhà*, Nguyễn Khuyến đã sử dụng lối nói phóng đại để tạo ra tiếng cười tự trào hóm hỉnh, nhẹ nhàng vì tuy tác giả không có gì thết đãi bạn nhưng qua câu thơ cuối lại làm cho mọi người thấy tình cảm của tác giả với bạn khăng khít hơn bao giờ hết. Còn ở bài thơ *Đề đền Sầm Nghi Đống*, Hồ Xuân Hương đã sử dụng thủ pháp nói giễu, thể hiện qua các từ ngữ, hình ảnh như: *ghé mắt trông ngang, kia, cheo leo, đây, há bấy nhiêu,...* Thủ pháp này đã giúp tác giả bộc lộ thái độ xem thường, giễu cợt đối với Sầm Nghi Đống, đồng thời bộc lộ cá tính, bản lĩnh và khát vọng thay đổi thân phận, lập nên sự nghiệp lẫy lừng của mình.

2. Gợi ý trả lời:

a. Ngay từ tiêu đề bài thơ, tác giả đã nói rõ đối tượng châm biếm: những học trò dốt. Họ bị châm biếm vì đã dốt lại còn hay khoe chữ không phải chỗ.

b. – Thủ pháp trào phúng: giễu nhại (qua các từ ngữ như: *dắt diu*, *đòi*, *phường lòì tói*).

– Tác dụng: tạo tiếng cười có ý nghĩa phê phán, đả kích những kẻ dốt lại hay khoe chữ.

c. – Chủ đề của bài thơ: phê phán những kẻ đã dốt lại còn hay khoe chữ.

– Căn cứ giúp xác định chủ đề: qua việc sử dụng các từ ngữ mang tính giễu nhại như: *dắt diu*, *đòi*, *phường lòì tói* và câu thơ cuối.

d. Bài thơ thể hiện tình cảm, cảm xúc của tác giả: khinh bỉ và có phần tức giận vì thấy sự dốt nát và ngạo mạn của những kẻ mang danh học trò.

đ. Thông điệp tác giả muốn gửi gắm qua bài thơ: cần học hành chăm chỉ, tránh ngạo mạn, khoe khoang. Thủ pháp trào phúng giễu nhại đã giúp tác giả thể hiện thông điệp này một cách rõ nét qua các từ ngữ như: *dắt diu*, *đòi*, *phường lòì tói*,...

3. Gợi ý trả lời: a. Khung cảnh khoa thi Hương được gọi tả trong sáu câu thơ đầu:

Câu 1 – 2:

Từ ngữ: *lăn – lẫn lộn*, báo hiệu một kì thi thiếu nghiêm túc, nhốn nháo.

Câu 3 – 4:

– Từ tượng hình gọi tả đáng vẻ luộm thuộm, nhếch nhác: *lôi thôi*; từ tượng thanh gọi tả sự ra oai, nạt nộ: *âm oẹ*.

– Biện pháp tu từ: đối, đảo ngữ – nhấn mạnh sự xô bồ, nhếch nhác của trường thi: *lôi thôi sĩ tử >< âm oẹ quan trường*.

Câu 5 – 6:

Biện pháp tu từ: đối – thể hiện thái độ mỉa mai, châm biếm, hạ nhục bọn quan lại, thực dân: *lọng >< váy; trời >< đất; quan sứ >< mục đầm*.

b. Những thủ pháp trào phúng được sử dụng trong hai cặp câu 3 – 4 và 5 – 6:

– Thủ pháp nói giễu: những từ tượng hình (*lôi thôi*), từ tượng thanh (*âm oẹ*); hình ảnh mang tính phóng đại (*lọng cầm rợp trời, váy lê quét đất*).

– Thủ pháp đối với giọng điệu châm biếm: *lời thôi sĩ tử >< ậm oẹ quan trường, lọng >< váy, trời >< đất.*

Tác dụng: làm cho khung cảnh nhồn nháo, ô hợp của khoa thi Hương hiện lên một cách rõ nét, tạo nên sức mạnh đả kích quyết liệt, sâu cay; góp phần tạo nên tiếng cười trào phúng cho bài thơ; gián tiếp bộc lộ thái độ mỉa mai, phẫn uất của nhà thơ đối với chế độ thi cử đương thời.

c. Tình cảm, cảm xúc của tác giả được bộc lộ qua hai câu thơ cuối: đau đớn vì sự sa sút, nhồn nháo của nền thi cử Nho học; căm ghét bọn thực dân xâm lược thể hiện qua thái độ châm biếm, đả kích; ngậm ngùi, chua xót khi nhận thức được tình cảnh của đất nước (xã hội thực dân nửa phong kiến); kín đáo bộc lộ lòng yêu nước khi đưa ra lời kêu gọi, thức tỉnh lương tri của “nhân tài đất Bắc”. Căn cứ xác định chủ đề: lời kêu gọi *Nhân tài đất Bắc* nào ai đó, từ ngữ *ngoảnh cổ mà trông, nước nhà.*

d. Chủ đề của bài thơ: Thông qua bài thơ, tác giả vẽ nên bức tranh nhồn nháo, ô hợp của khoa thi Hương năm Đinh Dậu – một biểu hiện suy đồi của xã hội thực dân nửa phong kiến buổi đầu; đồng thời bộc lộ sự căm ghét đối với thực dân Pháp, xót xa trước tình cảnh nô lệ của đất nước, khát vọng thức tỉnh lương tâm và tinh thần dân tộc.

Căn cứ xác định chủ đề: Bức tranh khoa thi Hương năm Đinh Dậu thể hiện qua sáu câu thơ đầu và tâm trạng, thái độ của tác giả được bộc lộ trực tiếp qua hai câu thơ cuối.

đ. Thông qua bài thơ này, tác giả muốn gửi đến người đọc thông điệp: Người dân nói chung và “nhân tài đất Bắc” nói riêng cần nhận thức rõ tình cảnh của đất nước (đang chịu sự xâm lược của thực dân Pháp) và xã hội (nhồn nháo, ô hợp, suy đồi, khoa thi Hương chỉ là một minh chứng sống động về điều đó) để có thái độ ứng xử và hành động thích hợp.

e. Khoa thi Hương năm Đinh Dậu (1897) được miêu tả với cảm hứng chủ đạo: vừa châm biếm, đả kích (thể hiện qua sáu câu thơ đầu) vừa đau đớn, xót xa (thể hiện qua hai câu thơ cuối).

II. TIẾNG VIỆT

1. Đầu tiên, em có thể tra từ điển để biết nghĩa của các từ ngữ được in đậm trong bài tập. Sau đó, chỉ ra sắc thái nghĩa của các từ ngữ khi đặt vào ngữ cảnh đã cho.

Gợi ý trả lời:

a. Sắc thái nghĩa của từ ngữ **ngơ ngơ ngẩn ngẩn**: Từ ngữ này vốn dùng trong khẩu ngữ với nghĩa là “ngu ngơ, khờ khạo”. Về mặt mức độ, từ ngữ này có ý nhấn mạnh hơn so với từ “ngơ ngẩn”. Trong ngữ cảnh bài thơ *Tự trào I*, từ ngữ này được dùng để thể hiện cảm xúc tự trào (tự châm biếm, tự chế giễu mình) của Trần Tế Xương.

b. Sắc thái nghĩa của từ **đây**: Theo từ điển, **đây** là từ “người nói dùng để tự xưng với người đối thoại một cách thân mật hoặc trích thượng, sỗ sàng”. Trong ngữ cảnh bài thơ *Đề đền Sầm Nghi Đống*, từ này được dùng để thể hiện thái độ xem thường Sầm Nghi Đống của Hồ Xuân Hương.

Câu c và d: Mặc dù có chung ý nghĩa cơ bản (đều dùng để chỉ người) nhưng về sắc thái nghĩa thì hai từ này có khác biệt:

– **Đáng**: Từ dùng để suy tôn cá nhân nào đó đến mức cao nhất do có công lao, sự nghiệp lớn hoặc có những phẩm chất vượt trội (*đáng anh hùng, đáng sinh thành,...*).

– **Bạc**: Từ dùng để chỉ người thuộc hàng đáng tôn kính (*bạc anh hùng, bạc cha mẹ, bạc tiền bối,...*).

Như vậy, cả hai từ này đều mang sắc thái tích cực, chỉ khác nhau về mức độ. Đặt trong ngữ cảnh của *Truyện Kiều*, những từ **đáng, bạc** được dùng để thể hiện tình cảm trân trọng, đề cao, yêu mến của Nguyễn Du dành cho các nhân vật Từ Hải và Kim Trọng.

đ. Sắc thái nghĩa của từ **giở giời**: Theo từ điển, từ này có có hai nghĩa: (1) bày vẽ thêm chuyện, gây phiền phức, lôi thôi (khẩu ngữ); (2) giở trò này, trò kia (nói khái quát).

Đặt trong ngữ cảnh của bài thơ trào phúng *Kiều bán mình*, từ **giở giời** được dùng với nghĩa “giở trò này, trò kia” mang ý châm biếm, đả kích “thằng bán tơ”.

2. Các em tra từ điển để biết nghĩa của từ **lôi** (nắm lấy và kéo mạnh, cho phải đi chuyển cùng với mình). Sau đó, chỉ ra sắc thái nghĩa của từ **lôi** khi đặt trong ngữ cảnh bài thơ *Hỏi thăm quan tuần mất cướp*.

Gợi ý trả lời: không thể thay thế từ **lôi** bằng từ **đưa** vì từ **lôi** mới bộc lộ được thái độ châm chọc, giễu cợt của Nguyễn Khuyến dành cho quan tuần bị

mắt cướp. Từ *lôi* trong ngữ cảnh này mang sắc thái tiêu cực, còn từ *đưa* mang sắc thái trung hoà.

3. Gợi ý trả lời:

Theo từ điển, **ngoảnh** nghĩa là “quay mặt về một phía nào đó”; còn **ngẩng** có nghĩa là “hướng đầu, hướng mặt lên phía trên”. Do đó, không thể thay thế từ **ngoảnh** bằng từ **ngẩng** vì không tương đồng về nghĩa.

III. VIẾT

1. Để làm nổi bật các luận điểm của bài văn phân tích một tác phẩm thơ, có thể sử dụng các từ nối như: *đầu tiên, thứ nhất, thứ hai, tiếp theo, ...* hoặc sử dụng các câu chuyển ý hợp lí.

2. Với yêu cầu này, các em nêu ra kinh nghiệm khi viết ba phần của bài văn phân tích một tác phẩm thơ:

– Mở bài: cần nêu được những thông tin khái quát về bài thơ (tên tác phẩm, tác giả, xuất xứ, thể loại, ...), cần có câu khái quát nét đặc sắc của tác phẩm (chủ đề, hình thức nghệ thuật, ...).

– Thân bài: cần trình bày hai luận điểm chính để làm rõ nét đặc sắc về chủ đề và hình thức nghệ thuật của bài thơ. Tùy vào từng tác phẩm cụ thể mà em có thể chọn phân tích để làm rõ các yếu tố hình thức đặc trưng của thể loại thơ như: từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ, vần, nhịp, đối, ...

– Kết bài: cần khẳng định lại nét đặc sắc về chủ đề và hình thức nghệ thuật của tác phẩm; nêu suy nghĩ, cảm xúc, trải nghiệm cá nhân hoặc bài học rút ra từ tác phẩm đó.

3. Hướng dẫn thực hiện bài viết:

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết

Xác định đề tài, người đọc, mục đích viết

Em có thể chọn một bài thơ đã học trong sách giáo khoa hoặc bài thơ mà em tự đọc để thực hiện nhiệm vụ này.

Em cần tìm hiểu kĩ thể lệ của cuộc thi viết để có thể đáp ứng tốt nhất những yêu cầu đặt ra. Vì là cuộc thi nên người đọc giả định có thể là ban giám khảo (những người có chuyên môn cao và hiểu biết về lĩnh vực văn chương, văn

học), bạn bè, thầy cô, những độc giả quan tâm (nếu bài dự thi của em được đăng báo),...

Với mục đích viết và người đọc như vậy, em cần lựa chọn nội dung và dự kiến cách viết sao cho thuyết phục được người đọc và đạt được mục đích đã đề ra khi dự thi.

Thu thập tư liệu

Sau khi xác định bài thơ mà mình muốn viết, em hãy tiến hành thu thập tư liệu để viết bài. Em có thể đọc lại hướng dẫn cách thu thập tư liệu ở phần kỹ năng viết, bài *Yêu thương và hi vọng* (Ngữ văn 8, tập hai).

Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

Tìm ý

Ví dụ, em chọn bài thơ *Vịnh khoa thi Hương* của Trần Tế Xương để viết bài văn nghị luận. Em có thể tìm ý bằng cách điền vào phiếu sau:

PHIẾU TÌM Ý

Phân tích bài thơ trào phúng: chủ đề và nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật

1. Tên bài thơ: *Vịnh khoa thi Hương*
2. Tên tác giả: Trần Tế Xương
3. Chủ đề của bài thơ: thái độ mỉa mai, phẫn uất trước tình cảnh mạt vận của Nho học cũng như tình cảnh đất nước trong xã hội thực dân nửa phong kiến.
4. Một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật:

Hình thức nghệ thuật	Tác dụng
Thủ pháp nói giễu	Tạo giọng điệu châm biếm, đả kích chua cay; phê phán chế độ thực dân nửa phong kiến và bộc lộ sự xót xa, đau đớn cho tình cảnh nô lệ của đất nước.
Thủ pháp đối	Bày tỏ mạnh mẽ, quyết liệt, thái độ mỉa mai, châm biếm, ý đồ hạ nhục bọn quan lại, thực dân.
Biện pháp đảo ngữ	Nhấn mạnh sự xô bồ, nhếch nhác, thiếu nghiêm túc của khoa thi Hương năm Đinh Dậu.

Lập dàn ý

Em lập dàn ý theo hướng dẫn ở phần *Viết bài Cười mình, cười người* (Ngữ văn 8, tập hai).

Bước 3: Viết bài

Em tiến hành viết bài dựa trên dàn ý đã lập. Trước khi viết, em có thể đọc lại phần *Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản* trong sách giáo khoa. Trong khi viết, em cần chú ý tham khảo *Bảng kiểm kỹ năng viết bài văn phân tích một tác phẩm thơ: chủ đề và nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật* (bài *Cười mình, cười người*, Ngữ văn 8, tập hai) để đảm bảo đáp ứng đầy đủ yêu cầu của kiểu bài viết.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm

Sau khi viết, em tự đánh giá lại bài viết của mình bằng *Bảng kiểm kỹ năng viết bài văn phân tích một tác phẩm thơ: chủ đề và nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật* đã sử dụng ở bước 3.

IV. NÓI VÀ NGHE

Em tham khảo gợi ý sau:

Bước 1: Chuẩn bị

Xem lại hướng dẫn ở bài *Sắc thái của tiếng cười* (Ngữ văn 8, tập một) để chuẩn bị các việc sau:

- Thành lập nhóm và phân công công việc.
- Thống nhất mục tiêu, thời gian thảo luận (thuyết phục các bạn trong lớp ở buổi sinh hoạt lớp).
- Xác định người nghe, cách nói (người nghe là các bạn trong lớp và giáo viên, vì vậy cần chọn cách nói phù hợp).

Ngoài ra, em có thể tham khảo mẫu phiếu chuẩn bị thảo luận nhóm trong phần *Nói và nghe* bài *Cười người, cười mình* (Ngữ văn 8, tập hai) để chuẩn bị các ý kiến cho việc thảo luận.

Bước 2: Thảo luận

Gợi ý:

– Cần phải biết tự cười mình để nhận thức được những gì bản thân còn chưa tốt, từ đó mới có thể rút ra kinh nghiệm và sửa đổi để bản thân tốt hơn.

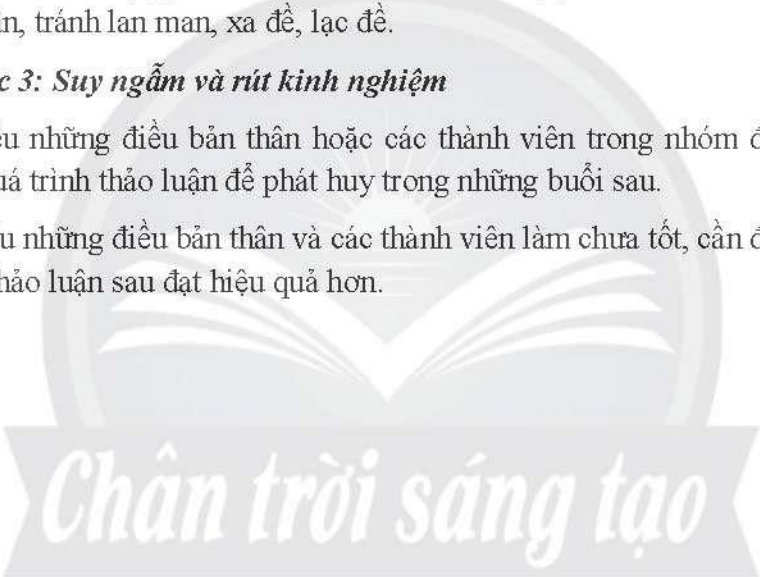
– Khi bị người khác cười, cần bình tĩnh suy ngẫm. Nếu điều chưa đúng, chưa tốt, bản thân cần lắng nghe để rút kinh nghiệm, thay đổi. Tránh bảo thủ, mất bình tĩnh, tức giận khi bị người khác cười nhưng cũng không nên tự ti về bản thân.

Lưu ý: Khi thảo luận, cần: (1) lắng nghe ý kiến của các bạn; (2) trình bày ý kiến của mình; (3) phản hồi ý kiến của các bạn; (4) bám sát chủ đề của buổi thảo luận, tránh lan man, xa đề, lạc đề.

Bước 3: Suy ngẫm và rút kinh nghiệm

– Nêu những điều bản thân hoặc các thành viên trong nhóm đã làm tốt trong quá trình thảo luận để phát huy trong những buổi sau.

– Nêu những điều bản thân và các thành viên làm chưa tốt, cần điều chỉnh để lần thảo luận sau đạt hiệu quả hơn.



Chân trời sáng tạo



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



BỘ BÀI TẬP LỚP 8 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

- | | |
|--|---|
| 1. Bài tập
NGỮ VĂN 8, TẬP MỘT | 9. Bài tập
TIN HỌC 8 |
| 2. Bài tập
NGỮ VĂN 8, TẬP HAI | 10. Bài tập
CÔNG NGHỆ 8 |
| 3. Bài tập
TOÁN 8, TẬP MỘT | 11. Bài tập
ÂM NHẠC 8 |
| 4. Bài tập
TOÁN 8, TẬP HAI | 12. Bài tập
MĨ THUẬT 8 (1) |
| 5. TIẾNG ANH 8
Friends Plus - Workbook | 13. Bài tập
MĨ THUẬT 8 (2) |
| 6. Bài tập
GIÁO DỤC CÔNG DÂN 8 | 14. Bài tập
HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM,
HƯỚNG NGHIỆP 8 (1) |
| 7. Bài tập
LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 8 (PHẦN LỊCH SỬ) | 15. Bài tập
HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM,
HƯỚNG NGHIỆP 8 (2) |
| 8. Bài tập
LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 8 (PHẦN ĐỊA LÍ) | |

Các đơn vị đầu mỗi phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
- **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
- **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long

Sách điện tử: <http://hanhtrangso.nxbgd.vn>

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhũ trên tem để nhận mã số. Truy cập <http://hanhtrangso.nxbgd.vn> và nhập mã số tại biểu tượng chia khóa.



ISBN 978-604-0-35229-3



9 786040 352293

Giá: đ